

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

PHẠM THỊ TÂM

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN
PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
BÌNH MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

PHẠM THỊ TÂM

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN
PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
BÌNH MINH**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số : 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN ĐĂNG HUY

HÀ NỘI - 2016

LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin chân thành cảm ơn thầy giáo TS Nguyễn Đăng Huy đã hướng dẫn và giúp đỡ tận tình từ việc định hướng đề tài, cách xây dựng đề tài và hướng dẫn thực hiện quá trình viết và hoàn thiện luận văn này.

Tác giả bày tỏ lòng biết ơn tới Ban lãnh đạo Phòng Đào tạo Đại học & Sau đại học của Trường ĐH Lao động Xã hội đã tạo điều kiện thuận lợi để tác giả hoàn thiện Luận văn này.

Tác giả cảm ơn Trường Đào tạo Cán bộ công chức lao động xã hội đã tạo điều kiện cho tôi hoàn thành công tác và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Tôi xin cảm ơn những người thân đã động viên và tạo điều kiện cho tôi hoàn thành tốt công việc trong suốt thời gian thực hiện luận văn.

Tác giả cảm ơn Ban Giám đốc công ty như toạ chủ c, n bé, c«ng nh©n viªn trong công ty TNHH Xây dựng Bình Minh ®. nhiệt t¸nh hìp t, c, gi¸p ®ì, cung cÊp sè liÖu ®ó t, c gi¶i h¸m thiÖn luËn v"n nÿy.

Hà Nội, Ngày..... tháng..... năm 2016

Tác giả

Phạm Thị Tâm

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những kết quả có được trong luận văn là do bản thân tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn của thầy giáo TS. Nguyễn Đăng Huy. Trong quá trình nghiên cứu và tổng hợp các thông tin số liệu trong luận văn là hoàn toàn trung thực, chính xác và chưa được ai công bố trong bất cứ công trình nào khác. Nếu sai, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Hà Nội , Ngày... tháng năm 2016

Tác giả

Phạm Thị Tâm

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC SƠ ĐỒ.....	v
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	vi
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Mục đích, phạm vi nghiên cứu của đề tài	1
3. Phương pháp nghiên cứu đề tài	2
4. Ý nghĩa khoa học thực tiễn của đề tài	3
5. Kết cấu luận văn:	3
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....	4
1.1. Đặc điểm của hoạt động xây lắp có ảnh hưởng đến công tác kế toán	4
1.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	7
1.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	14
1.4. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp.....	29
1.5. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp trong điều kiện khoán	34
Kết luận chương 1:	37
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH.....	38
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Xây dựng Bình Minh	38

2.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh	46
2.3. Thực trạng tổ chức sử dụng thông tin về chi phí sản xuất và thành sản phẩm xây lắp phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp	68
2.4. Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh	72
Kết luận chương 2:	75
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH.....	76
3.1. Sự cần thiết, yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh	76
3.2. Điều kiện cơ bản thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong công ty TNHH Xây dựng Bình Minh	91
Kết luận chương 3:	93
KẾT LUẬN.....	94
Tài liệu tham khảo.....	95
Phụ lục.....	96

DANH MỤC SƠ ĐỒ

STT	Tên sơ đồ	Trang
1.1	Sơ đồ kế toán chi phí NVL trực tiếp	18
1.2	Sơ đồ kế toán chi phí Nhân công trực tiếp	20
1.3	Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công trường hợp doanh nghiệp thuê ngoài	22
1.4	Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công trường hợp đội máy thi công có tổ chức kế toán riêng	22
1.5	Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công trường hợp doanh nghiệp xây lắp tổ chức và thủ công hỗn hợp	23
1.6	Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất chung	25
1.7	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp	26
2.1	Khái quát quy trình sản xuất kinh doanh	40
2.2	Sơ đồ bộ máy công ty	41
2.3	Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty	44
2.4	Trình tự ghi sổ tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh trên máy vi tính	45
2.5	Quy trình hạch toán CP NVL	49
2.6	Quy trình hạch toán CP NCTT	54
2.7	Quy trình hạch toán CP MTC	58
2.8	Quy trình hạch toán chi phí sản xuất chung	62
2.9	Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh	66
3.1	Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán trong điều kiện có áp dụng kế toán quản trị.	87

DANH MỤC BẢNG BIỂU

STT	Tên bảng biểu	Trang
2.1	Tình hình tài chính 2013 -2015	46
2.2	Trích bảng tính nhiên liệu máy và giá trị thi công	50
2.3	Bảng kê chứng từ gốc số 30	51
2.4	Bảng chấm công	55
2.5	Bảng thanh toán lương thuê ngoài	55
2.6	Bảng kê chứng từ gốc số 31	60
2.7	Bảng kê chứng từ gốc số 39	62
2.8	Bảng kê chứng từ gốc số 40	62
2.9	Bảng kê chứng từ gốc số 41	63
2.10	Bảng kê chứng từ gốc số 42	63
2.11	Bảng báo cáo giá trị sản lượng – Thu vốn – Khối lượng dở dang dự toán	65
2.12	Bảng tổng hợp dự toán giá thành công trình	70
2.13	Báo cáo xây lắp thực hiện trong kỳ	71
3.1	Biên bản giao nhận vật tư	76
3.2	Bảng theo dõi ca máy thi công	81
3.3	Báo cáo khối lượng xây lắp	88
3.4	Báo cáo chi phí xây lắp thực hiện trong kỳ	89
3.5	Báo cáo khối lượng xây lắp	90

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Hàng năm, các nước trên thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng, Chính phủ đều phải đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, kỹ thuật cho đất nước. Đó là sự đánh giá của một đất nước về phát triển kinh tế trong hiện tại và tương lai. Trong giai đoạn hiện nay, hòa chung với sự đổi mới sâu sắc, toàn diện của đất nước, của cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng nước ta đã có những bước phát triển mạnh mẽ, tạo tiền đề cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những thành tựu đó chính là nhờ những đóng góp vô cùng to lớn của ngành xây dựng cơ bản. Đặc điểm nổi bật của hoạt động xây dựng là đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian thi công kéo dài nên vấn đề đặt ra là làm sao phải quản lý vốn tốt, có hiệu quả đồng thời khắc phục tình trạng thất thoát lãng phí trong quá trình sản xuất, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Để đạt được yêu cầu đó, các doanh nghiệp luôn xác định hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu trung tâm của công tác kế toán, do đó đòi hỏi công tác kế toán phải được tổ chức sao cho khoa học, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết đồng thời đưa ra các biện pháp, phương hướng hoàn thiện để nâng cao vai trò quản lý chi phí và tính giá thành, thực hiện tốt chức năng “là công cụ phục vụ đắc lực cho quản lý” của kế toán. Chi phí được tập hợp một cách chính xác kết hợp với việc tính đầy đủ giá thành sản phẩm sẽ làm lành mạnh hóa các quan hệ tài chính trong doanh nghiệp, góp phần tích cực vào việc sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Xuất phát từ ý nghĩa thực tiễn to lớn trên tôi đã chọn đề tài: *“Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH xây dựng Bình Minh”*.

2. Mục tiêu, phạm vi nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế nước nhà, ngày càng có nhiều các dự án đầu tư và xây dựng trong nước cũng như đầu tư nước ngoài. Các công trình xây dựng đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng, kỹ thuật, tiến độ và giá cả. Rất nhiều công trình xây dựng có vốn đầu tư lớn với quy trình công nghệ phức tạp, bao gồm rất nhiều loại chi phí khác nhau, thời gian cho ra đời một sản phẩm là khá dài, đòi hỏi cần phải các chi phí đó cần phải được kiểm soát một cách chặt chẽ để phục vụ tốt cho công tác tính giá thành sản phẩm. Với phương châm hoạt động luôn đặt chất lượng đi đầu, giá cả hợp lý đã mang lại uy tín lớn cho Công ty, công ty liên tiếp nhận được các dự án thầu lớn trị giá hàng trăm tỷ. Để đạt được kết quả trên thì không thể không kể đến vai trò rất lớn của đội ngũ công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là vận dụng lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm để đánh giá thực tế kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH xây dựng Bình Minh và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện phần hành kế toán này tại công ty cho phù hợp với tình hình thực tế.

2.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đề tài này nghiên cứu về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp và vận dụng để đánh giá công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại công ty TNHH xây dựng Bình Minh. Cụ thể là đi nghiên cứu tìm hiểu cách hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí sử dụng máy thi công và cách tính giá thành sản phẩm trong công ty.

3. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Sau khi đã xác định được đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu, tiến hành lựa chọn phương pháp nghiên cứu khoa học thích hợp là: phương pháp thống kê, điều tra, thu thập, phân tích các thông tin về tổ chức công tác kế toán ở công ty. Đó là các loại chứng từ hệ thống tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán, các số liệu liên quan để chứng minh làm cơ sở dẫn dắt cho việc kiểm tra tính hợp lý của phương pháp hạch toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong công ty.

4. Ý nghĩa khoa học thực tiễn của đề tài

4.1. Về mặt lý luận

Hệ thống hoá lại những lý thuyết về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp xây lắp nói chung và cụ thể là công ty TNHH xây dựng Bình Minh trên cả hai góc độ là kế toán tài chính và kế toán quản trị.

4.2. Về mặt thực tiễn

Chỉ rõ thực trạng áp dụng nguyên lý về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên cả hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị của công ty TNHH Xây dựng Bình Minh và đưa ra những nhận xét về ưu nhược điểm trong việc áp dụng này tại công ty nhằm đưa ra những giải pháp hợp lý nhất để hoàn thiện việc áp dụng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp xây lắp cụ thể là công ty xây dựng Bình Minh.

5. Kết cấu luận văn:

Để thực hiện được mục đích trên, ngoài phần mở đầu, kết luận, các bảng biểu phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

Chương 2: Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH xây dựng Bình Minh

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. Đặc điểm của hoạt động xây lắp có ảnh hưởng đến công tác kế toán

1.1.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây lắp

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất mang tính công nghiệp nhằm tạo ra cơ sở vật chất quan trọng cho nền kinh tế quốc dân. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây lắp có các đặc điểm sau:

1.1.1.1 Sản phẩm xây lắp có tính chất cố định, nơi sản xuất gắn liền với nơi tiêu thụ sản phẩm, phụ thuộc trực tiếp vào điều kiện địa chất, thủy văn, khí hậu.

Chất lượng và giá cả (chi phí xây lắp) sản phẩm chịu ảnh hưởng trực tiếp của các điều kiện tự nhiên. Do vậy để giảm thiểu lãng phí, thất thoát cho nguyên nhân khách quan bởi các tác động trên đòi hỏi trước khi xây lắp công trình phải làm thật tốt công tác chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị xây lắp. Công tác điều tra khảo sát, thăm dò các điều kiện tự nhiên không chính xác sẽ dẫn đến lãng phí nghiêm trọng vì thiết kế công trình, dự án không đảm bảo đúng yêu cầu các quy phạm kỹ thuật, kết cấu phù hợp với các quy phạm kỹ thuật, kết cấu phù hợp với các điều kiện và đặc điểm tự nhiên, chất lượng công trình kém. Đặc điểm này đòi hỏi cần có giải pháp tài chính để kiểm tra việc sử dụng và quản lý vốn đầu tư ngay từ khâu đầu tiên là xác định chủ trương đầu tư, lựa chọn địa điểm, điều tra khảo sát, thăm dò... để dự án đầu tư đảm bảo tính khả thi cao.

1.1.1.2. Sản phẩm xây lắp có thời gian sử dụng lâu dài, chất lượng của sản phẩm có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả hoạt động của các ngành khác.

Sản phẩm của các ngành sản xuất vật chất khác là vật phẩm tiêu dùng (dùng cho sản xuất hay dùng cho đời sống sinh hoạt của con người, của xã hội) có thời gian sử dụng rất ngắn như: nguyên vật liệu dùng vào sản xuất để sau đó biến đổi thành bán thành phẩm và thành phẩm. Sản phẩm xây lắp với tư cách là công trình xây lắp đã hoàn thành mang tính chất là tài sản cố định nên nó có thời gian sử dụng rất lâu dài và tham

gia vào nhiều chu kỳ sản xuất, sử dụng nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho tới khi thanh lý. Từ đặc điểm này đòi hỏi chất lượng công trình phải tốt, muốn vậy phải chú trọng nâng cao công tác quản lý kinh tế, quản lý tài chính và chất lượng xây lắp ở trong tất cả các khâu công tác: điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế, thực hiện tốt quy chế đấu thầu, thi công, thanh toán vốn đầu tư, nghiệm thu, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và chế độ bảo hành công trình. Do đặc điểm thời gian sử dụng dài, tuổi thọ cao nên sai lầm trong xây lắp sẽ gây tổn thất lớn cả về giá trị (chi phí xây lắp công trình) và chất lượng công trình, từ đó gây hậu quả trước mắt và lâu dài. Do đó, trong quá trình thực hiện phải giám sát chặt chẽ mọi chi phí phát sinh ở từng giai đoạn xây lắp và giám sát chất lượng công trình.

1.1.1.3. Sản phẩm xây lắp có tính chất đơn chiếc, riêng lẻ.

Mỗi sản phẩm đều có thiết kế riêng theo yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế. Mỗi công trình có yêu cầu riêng về công nghệ, về quy phạm, về tiện nghi, về mỹ quan, về an toàn. Do đó khối lượng, chất lượng và xp xây lắp của mỗi công trình đều khác nhau, mặc dù về hình thức có thể giống nhau khi xây lắp trên những địa điểm khác nhau.

Từ đặc điểm này cho thấy, sản phẩm xây lắp có thể giống nhau về hình thức nhưng về kết cấu, quy phạm thì không giống nhau hoàn toàn nếu xây lắp ở những địa điểm khác nhau. Chính vì vậy mà mặc dù có thể sản xuất hàng loạt theo mẫu thiết kế thống nhất nhưng chi phí xây lắp không thống nhất. Mỗi công trình, dự án đầu tư đều bị chi phối bởi các điều kiện, đặc điểm tự nhiên yêu cầu khác nhau nên chi phí xây lắp cũng khác nhau.

1.1.2. Vai trò của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Hạch toán kinh tế góp phần làm giảm thời gian lao động, động viên các nguồn dự trữ nội bộ của doanh nghiệp và đảm bảo tích lũy tạo điều kiện mở rộng không ngừng sản xuất trên cơ sở áp dụng kỹ thuật tiên tiến nhằm thoả mãn nhu cầu ngày càng tăng và nâng cao phúc lợi của quần chúng lao động.

Hạch toán kinh tế đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải chấp hành các kế hoạch sản xuất về mặt hiện vật, cũng như về mặt giá trị, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về tài chính.

Đối với các doanh nghiệp xây lắp việc hạch toán sẽ giúp cung cấp số liệu một cách chính xác, kịp thời đầy đủ phục vụ cho việc phân tích, đánh giá tình hình kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó đề ra các biện pháp quản lý và tổ chức sản xuất phù hợp với yêu cầu của hạch toán. Tập hợp chi phí sản xuất giúp cho doanh nghiệp nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh thực tế so với kế hoạch là bao nhiêu, từ đó xác định được mức tiết kiệm hay lãng phí để có kế hoạch khắc phục. Việc tính giá thành thể hiện chất lượng toàn bộ hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính của đơn vị.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp, thoả mãn yêu cầu quản lý đặt ra, vận dụng các phương pháp tập hợp chi phí và giá thành một cách khoa học hợp lý đảm bảo cung cấp một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác các số liệu cần thiết cho công tác quản lý. Cụ thể là:

- Xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với tổ chức sản xuất ở doanh nghiệp đồng thời xác định đúng đối tượng tính giá thành

- Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh

- Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí, vật tư, nhân công, sử dụng máy thi công...và các dự toán chi phí khác. Phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch định mức so với dự toán, các khoản chi phí ngoài kế hoạch, các khoản thiệt hại, mất mát, hư hỏng trong sản xuất để ngăn chặn kịp thời.

- Tính toán chính xác kịp thời giá thành sản phẩm xây lắp, các sản phẩm là lao vụ hoàn thành của doanh nghiệp.

- Kiểm tra việc thực hiện hạ giá thành của doanh nghiệp theo từng công trình, hạng mục công trình, từng loại sản phẩm, vạch ra khả năng và các mức hạ giá thành hợp lý, hiệu quả.

- Xác định đúng dẫn bàn giao thanh toán kịp thời khối lượng xây lắp hoàn thành. Định kỳ kiểm tra và đánh giá khối lượng thi công dở dang theo quy định. Kịp thời lập báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành công tác xây lắp. Cung cấp chính xác các thông tin về chi phí và giá thành sản phẩm, phục vụ cho yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

1.2. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp bao gồm nhiều loại khác nhau, phát sinh ở các khâu khác nhau trong hoạt động của doanh nghiệp. Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra chi phí cũng như phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp cần được phân loại theo những tiêu thức phù hợp.

Chi phí sản xuất xây lắp là toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp xây lắp bỏ ra để sản xuất sản phẩm xây lắp được xác định trong một thời kỳ nhất định biểu hiện bằng tiền. Những hao phí này được thể hiện dưới hình thái giá trị thì đó là chi phí sản xuất. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm: chi phí sản xuất xây lắp và chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ ngoài xây lắp.

1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất

Việc phân loại chi phí sản xuất không chỉ dựa vào các số liệu tổng hợp về chi phí sản xuất mà còn căn cứ vào số liệu cụ thể của từng loại chi phí theo từng công trình, hạng mục công trình theo từng thời điểm nhất định.

1.2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí.

Theo cách phân loại này, các yếu tố có cùng nội dung kinh tế được sắp xếp chung vào một yếu tố không phân biệt chi phí sản xuất được phát sinh ở đâu hay dùng vào mục đích gì trong sản xuất nhằm tổng hợp và cân đối mọi chỉ tiêu kinh tế và kế hoạch của doanh nghiệp. Toàn bộ chi phí sản xuất trong kỳ đối với doanh nghiệp xây lắp được chia thành các yếu tố sau:

- **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** bao gồm giá trị thực tế của nguyên liệu, vật liệu chính, phụ hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp và giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp (không kể vật liệu cho máy móc thi công và hoạt động sản xuất chung).

- **Chi phí nhân công trực tiếp:** gồm toàn bộ tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp mang tính chất tiền lương trả cho công nhân trực tiếp xây lắp

- **Chi phí sử dụng máy thi công** gồm chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời.

+ **Chi phí thường xuyên cho hoạt động của máy thi công gồm:** lương chính, phụ của công nhân điều khiển, phục vụ máy thi công. Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài (sửa chữa nhỏ, điện, nước, bảo hiểm xe, máy) và các chi phí khác bằng tiền.

+ **Chi phí tạm thời:** chi phí sửa chữa lớn máy thi công (đại tu, trung tu...), chi phí công trình tạm thời cho máy thi công (lều, lán, bệ, đường ray chạy máy....). Chi phí tạm thời của máy có thể phát sinh trước (hạch toán trên TK 142, 242) sau đó phân bổ dần vào TK 623. Hoặc phát sinh sau nhưng phải tính trước vào chi phí sử dụng máy thi công trong kỳ (do liên quan đến việc sử dụng thực tế máy móc thi công trong kỳ). Trường hợp này phải tiến hành trích trước chi phí (hạch toán trên TK 335)

- **Chi phí khấu hao TSCĐ:** tổng số khấu hao TSCĐ phải trích trong kỳ của tất cả TSCĐ sử dụng trong sản xuất kinh doanh.

- **Chi phí dịch vụ mua ngoài:** toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho sản xuất kinh doanh

- **Chi phí bằng tiền khác:** toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo cách này, doanh nghiệp xác định được kết cấu tỷ trọng của từng loại chi phí trong tổng chi phí sản xuất để lập thuyết minh báo cáo tài chính đồng thời phục vụ cho nhu cầu của công tác quản trị trong doanh nghiệp, làm cơ sở để lập mức dự toán cho kỳ sau.

1.2.2.2. Phân loại theo mục đích, công dụng của chi phí:

Chi phí hoạt động chính và phụ bao gồm chi phí tạo ra doanh thu bán hàng của hoạt động sản xuất kinh doanh. Căn cứ vào chức năng, công dụng của chi phí, các khoản chi phí này được chia thành chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí tài chính.

- **Chi phí sản xuất:** Chi phí sản xuất là toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí trực tiếp khác mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến việc chế tạo sản phẩm, lao vụ dịch vụ trong một thời gian nhất định được biểu hiện bằng tiền. Chi phí sản xuất của doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm lao vụ dịch vụ.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương và các khoản phải trả cho công nhân sản xuất các khoản trích theo lương cho công nhân sản xuất như: BHXH, BHYT, KPCĐ và BHTN.

- Chi phí sản xuất chung: là các khoản chi phí sản xuất liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng đội sản xuất. Chi phí sản xuất chung bao gồm các yếu tố chi phí sau:

+ Chi phí nhân viên phân xưởng: bao gồm chi phí tiền lương, các khoản phải trả, các khoản trích theo lương phân xưởng đội sản xuất.

+ Chi phí vật liệu: bao gồm chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng sản xuất với mục đích phục vụ và quản lý sản xuất.

+ Chi phí dụng cụ: bao gồm chi phí về công cụ dụng cụ dùng ở phân xưởng để phục vụ sản xuất và quản lý sản xuất

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: bao gồm toàn bộ chi phí khấu hao của TSCĐ thuộc các phân xưởng sản xuất quản lý và sử dụng.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: bao gồm các chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động phục vụ và quản lý sản xuất của phân xưởng, đội sản xuất

+ Chi phí khác bằng tiền: là các khoản chi trực tiếp bằng tiền dùng cho việc phục vụ và quản lý sản xuất ở phân xưởng sản xuất.

- Chi phí ngoài sản xuất:

+ Chi phí bán hàng: là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa dịch vụ, loại chi phí này bao gồm: chi phí quảng cáo, giao hàng, hoa hồng bán hàng, chi phí nhân viên bán hàng và các chi phí khác gắn liền đến bảo quản và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất kinh doanh có tính chất chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý

doanh nghiệp gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng các loại thuế ...

Cách phân loại này có tác dụng xác định số chi phí đã chi cho từng lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, làm cơ sở để tính giá thành và kết quả hoạt động sản xuất. theo cách phân loại này thì chi phí sản xuất chế tạo ra sản phẩm sẽ là những chi phí cấu thành nên giá thành sản phẩm khi hoàn thành.

1.2.2.3. Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm:

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính giá thành toàn bộ, chi phí được phân theo khoản mục. Cách phân loại này dựa vào công dụng chung của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng. Theo quy định hiện hành, giá thành sản phẩm bao gồm các khoản mục chi phí sau :

- **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** bao gồm giá trị thực tế của nguyên liệu, vật liệu chính, phụ hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp và giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp (không kể vật liệu cho máy móc thi công và hoạt động sản xuất chung.

- **Chi phí nhân công trực tiếp:** gồm toàn bộ tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp mang tính chất tiền lương trả cho công nhân trực tiếp xây lắp

- **Chi phí sử dụng máy thi công:** bao gồm chi phí cho các máy thi công nhằm thực hiện khối lượng xây lắp bằng máy. Máy móc thi công là loại máy trực tiếp phục vụ xây lắp công trình. Đó là những máy móc chuyển động bằng động cơ hơi nước, diesel, xăng, điện,...

Chi phí sử dụng máy thi công gồm chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời.

+ *Chi phí thường xuyên cho hoạt động của máy thi công gồm:* lương chính, phụ của công nhân điều khiển, phục vụ máy thi công. Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài (sửa chữa nhỏ, điện, nước, bảo hiểm xe, máy) và các chi phí khác bằng tiền.

+ *Chi phí tạm thời:* chi phí sửa chữa lớn máy thi công (đại tu, trung tu...), chi phí công trình tạm thời cho máy thi công (lều, lán, bệ, đường ray chạy máy....). Chi phí tạm thời của máy có thể phát sinh trước (hạch toán trên TK 142, 242) sau đó phân bổ dần vào

TK 623. Hoặc phát sinh sau nhưng phải tính trước vào chi phí sử dụng máy thi công trong kỳ (do liên quan đến việc sử dụng thực tế máy móc thi công trong kỳ). Trường hợp này phải tiến hành trích trước chi phí (hạch toán trên TK 335)

- **Chi phí sản xuất chung:** phản ánh chi phí sản xuất của đội, công trường xây dựng bao gồm: lương nhân viên quản lý đội, công trường, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định (19 %) trên tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân điều khiển xe, máy thi công và nhân viên quản lý đội, khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động của đội

- **Chi phí bán hàng:** gồm toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ trong kỳ

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** gồm toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quản trị kinh doanh và quản trị hành chính trong phạm vi toàn doanh nghiệp mà không tách được cho bất cứ hoạt động hay phân xưởng, công trường nào.

1.2.2.4. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm lao vụ hoàn thành

Theo cách này chi phí được phân loại theo cách ứng xử của chi phí hay là xem xét sự biến động của chi phí khi mức độ hoạt động thay đổi. Chi phí được phân thành 3 loại:

- **Biến phí:** là những khoản chi phí có quan hệ tỷ lệ thuận với khối lượng công việc hoàn thành, thường bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí bao bì. Biến phí trên một đơn vị sản phẩm luôn là một mức ổn định

- **Định phí:** là những khoản chi phí cố định khi khối lượng công việc hoàn thành thay đổi. Tuy nhiên, nếu tính trên một đơn vị sản phẩm thì định phí lại biến đổi. Định phí thường bao gồm: chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng chung, tiền lương nhân viên, cán bộ quản lý,

- **Hỗn hợp phí:** là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố biến phí và định phí. Ở mức độ hoạt động căn bản, chi phí hỗn hợp thể hiện các đặc điểm của định phí, quá mức đó nó lại thể hiện đặc tính của biến phí. Hỗn hợp phí thường gồm: chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...

Cách phân loại trên giúp doanh nghiệp có cơ sở để lập kế hoạch, kiểm tra chi phí, xác định điểm hòa vốn, phân tích tình hình tiết kiệm chi phí, tìm ra phương hướng nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

1.2.2.5. Phân loại chi phí theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

- Chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh: là những chi phí dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính và phụ phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công, và bàn giao công trình cùng các chi phí quản lý.

- Chi phí hoạt động tài chính: là các chi phí về vốn và tài sản đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp

- Chi phí hoạt động bất thường: là những khoản chi phí phát sinh không thường xuyên tại doanh nghiệp và ngoài dự kiến của doanh nghiệp như chí phí bồi thường hợp đồng, hao hụt nguyên vật liệu ngoài định mức được phép ghi tăng chi phí bất thường.

1.2.3. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

- Khái niệm: Giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa phát sinh trong quá trình sản xuất có liên quan tới khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Giá thành của công trình hay hạng mục công trình là giá thành cuối cùng của sản phẩm xây lắp.

Toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp chi ra sẽ hoàn thành một khối lượng công tác xây lắp, một công trình hay hạng mục công trình phải được bù đắp bằng chính số tiền thu về do quyết toán công trình, hạng mục công trình. Việc bù đắp này nhằm đảm bảo quá trình sản xuất giản đơn. Mục đích đòi hỏi các doanh nghiệp phải đảm bảo trang trải bù đắp mọi chi phí đầu vào của quá trình sản xuất phải có lãi. Giá bán của sản phẩm xây lắp là giá nhận thầu. Vậy giá nhận thầu là biểu hiện giá trị của công trình, hạng mục công trình phải dựa trên cơ sở giá thành dự toán để xác định thông qua việc bán sản phẩm. Còn giá bán sản phẩm lao vụ là biểu hiện giá trị của sản phẩm phải dựa trên giá thành sản phẩm để xác định. Thông qua giá bán sản phẩm mà đánh giá được mức độ bù đắp chi phí và hiệu quả chi phí.

- Phân loại giá thành:

+ *Giá thành dự toán*: Là tổng các chi phí dự toán để hoàn thành khối lượng xây, lắp công trình. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở các định mức, quy định của Nhà nước và khung giá áp dụng cho từng vùng lãnh thổ.

Giá thành dự toán = Giá trị dự toán - Lợi nhuận định mức

Lãi định mức là số % trên giá thành xây lắp do Nhà nước quy định đối với từng loại hình xây lắp, từng sản phẩm xây lắp cụ thể.

+ *Giá thành kế hoạch*: Là giá thành được xác định xuất phát từ những điều kiện cụ thể ở một doanh nghiệp xây, lắp nhất định trên cơ sở biện pháp thi công, các định mức và đơn giá áp dụng trong doanh nghiệp.

Giá thành kế hoạch = Giá thành dự toán – Mức hạ giá thành

+ *Giá thành thực tế*: Phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành bàn giao khối lượng xây lắp mà doanh nghiệp đã nhận thầu. Giá thành thực tế bao gồm chi phí theo định mức, vượt định mức và không định mức như các khoản thiệt hại trong sản xuất, các khoản bồi chi, lãng phí về vật tư, lao động tiền vốn trong quá trình sản xuất và quản lý của doanh nghiệp được phép tính vào giá thành. Giá thành thực tế được xác định theo số liệu kế toán.

Muốn đánh giá chất lượng hoạt động sản xuất thi công của công tác xây lắp đòi hỏi chúng ta phải so sánh các loại giá thành trên với nhau. Về so sánh các loại giá thành này phải đảm bảo sự thống nhất về thời điểm và dựa trên cùng đối tượng tính giá thành (từng công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao). Mục đích cuối cùng của doanh nghiệp là lợi nhuận để đạt được mục đích đó thì các doanh nghiệp xây lắp luôn phải đảm bảo: Giá thành dự toán \geq Giá thành kế hoạch \geq Giá thành thực tế.

Việc so sánh này được thực hiện trên cùng một đối tượng tính giá thành nhất định. Xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây dựng, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng. Giá thành công tác xây lắp hoàn chỉnh và giá thành công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành bàn giao được chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán. Chỉ tiêu này cho phép đánh giá một cách chính xác và toàn diện hiệu quả sản xuất, thi công trọn vẹn một công trình hay hạng mục công trình.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý và chỉ đạo sản xuất kịp thời đòi hỏi phải xác định được giá thành khối lượng xây lắp quy ước (nếu quy định thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy ước). Khối lượng xây lắp quy ước là khối lượng hoàn thành đến một giai đoạn nhất định và phải thoả mãn những yêu cầu sau:

- Phải đảm bảo theo thiết kế và chất lượng kỹ thuật
- Khối lượng này phải được xác định cụ thể và được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán
- Phải đạt được điểm dừng kỹ thuật hợp lý giá thành khối lượng sản phẩm hoàn thành quy ước. Phản ánh kịp thời chi phí cho đối tượng xây lắp giúp cho doanh nghiệp phân tích kịp thời chi phí đã chi ra cho từng đối tượng để có biện pháp quản lý kịp thời.

1.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

1.3.1. Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

- *Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất*: là một giới hạn nhất định về địa điểm thời gian phát sinh mà các chi phí được tập hợp theo đó. Sản xuất xây lắp có quy trình công nghệ phức tạp, loại hình sản xuất đơn chiếc, thường phân chia thành nhiều khu vực, bộ phận thi công, mỗi hạng mục đều có thiết kế riêng, cấu tạo vật chất của chúng rất khác nhau, mỗi hạng mục lại có dự toán riêng. Đơn vị tính giá thành có thể là hạng mục công trình hoàn thành. Vì vậy, tùy theo công việc cụ thể, trình độ quản lý của mỗi doanh nghiệp xây lắp mà đối tượng hạch toán chi phí khác nhau, có thể là:

- + Công trình, hạng mục thi công
- + Đơn đặt hàng
- + Đội thi công, đội xây lắp

Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên và quan trọng của tổ chức hạch toán quá trình sản xuất. Xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất phù hợp với đặc điểm tình hình hoạt động sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu quản lý chi phí sản xuất của doanh nghiệp mới giúp cho việc tổ chức tốt công việc kế toán tập hợp chi phí sản xuất. Từ khâu ghi chép ban đầu, tổng hợp số liệu, tổ chức tài khoản kế toán, sổ chi tiết đều phải theo đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định.

- Đối tượng tính giá thành

Xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong công tác tính giá thành của kế toán. Doanh nghiệp phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh sản phẩm hàng hoá, căn cứ vào tính chất sản xuất và đặc điểm cung cấp, sử dụng của từng loại sản phẩm để xác định đối tượng tính giá thành thích hợp.

Trong ngành xây dựng cơ bản, sản phẩm có những đặc thù riêng nên đối tượng tính giá thành thường là các công trình hay các khối lượng công việc có thiết kế và dự toán riêng đã hoàn thành. Trường hợp trong doanh nghiệp xây lắp có tổ chức phân xưởng sản xuất phụ thì đối tượng tính giá thành là một đơn vị hoàn thành hay lao vụ hoàn thành. Việc xác định đối tượng tính giá thành là căn cứ để kế toán mở các thẻ tính giá thành sản phẩm phục vụ cho quá trình kiểm tra tình hình thực hiện giá thành sản phẩm, tính toán hiệu quả, xác định chính xác thu nhập.

1.3.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phương pháp sử dụng để tập hợp và phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giới hạn của mỗi đối tượng kế toán chi phí. Trong các doanh nghiệp xây lắp chủ yếu dùng các phương pháp tập hợp chi phí sau:

- Phương pháp hạch toán chi phí theo công trình, hạng mục công trình: Hàng tháng, chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào sẽ được tập hợp cho công trình, hạng mục công trình đó.

- Phương pháp hạch toán chi phí theo đơn đặt hàng: Các chi phí sản xuất phát sinh sẽ được tập hợp và phân loại theo từng đơn đặt hàng, khi đơn đặt hàng hoàn thành thì tổng số chi phí phát sinh kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là chi phí của đơn đặt hàng đó.

- Phương pháp hạch toán chi phí theo đơn vị thi công: Theo phương pháp này, các đơn vị thi công thực hiện công tác kế toán nội bộ, các chi phí phát sinh được thực hiện theo từng đơn vị thi công và trong từng đơn vị đó chi phí lại được tập hợp theo từng đối tượng chịu chi phí như công trình, hạng mục công trình. Cuối cùng, toàn bộ chi phí phát sinh thực tế ở từng đơn vị thi công được so sánh với dự toán để xác định kết quả hạch

toán kế toán nội bộ. Khi việc xây lắp hoàn thành thì phải tính riêng giá thành cho từng công trình hay hạng mục công trình bằng phương pháp thích hợp.

Trong các doanh nghiệp xây lắp, mỗi đối tượng có thể áp dụng một hoặc một số phương pháp hạch toán trên. Nhưng trên thực tế có một số yếu tố chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng, do đó phải tiến hành phân bổ các khoản chi phí này một cách chính xác và hợp lý cho từng đối tượng.

- Phương pháp trực tiếp

Được áp dụng với những chi phí trực tiếp là những chi phí liên quan đến một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Khi đó chi phí phát sinh thì căn cứ vào các chứng từ gốc ta tập hợp từng chi phí cho từng đối tượng sản xuất.

Trường hợp doanh nghiệp xác định đối tượng tập hợp chi phí là công trình hay hạng mục công trình thì hàng tháng căn cứ vào những chi phí phát sinh có liên quan đến công trình hay hạng mục công trình nào thì tập hợp chi phí cho công trình đó.

- Phương pháp phân bổ gián tiếp

Được áp dụng với những chi phí liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí sản xuất. Vì vậy phải áp dụng theo phương pháp phân bổ gián tiếp.

Để phân bổ cho các đối tượng phải chọn tiêu thức phân bổ và tính hệ số phân bổ chi phí:

$$H = \frac{C}{T}$$

Trong đó:

H	Hệ số phân bổ chi phí
C:	Tổng chi phí cần phân bổ
T:	Tổng đại lượng của tiêu thức phân bổ

1.3.3. Kế toán các khoản mục chi phí trong sản xuất

1.3.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Nội dung:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây lắp là những chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình, vật liệu luân chuyển tham gia cấu

thành thực thể công trình xây lắp hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp như: sắt thép, xi măng, gạch, gỗ, cát, đá, sỏi, ... không bao gồm vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công và sử dụng cho quản lý đội công trình. Chi phí vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm xây lắp.

- Nguyên tắc hạch toán

+ Vật liệu dùng cho xây dựng hạng mục công trình nào thì tính trực tiếp cho hạng mục công trình đó trên cơ sở các chứng từ gốc có liên quan, theo số lượng thực tế đã sử dụng và theo giá thực tế xuất kho.

+ Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số lượng vật liệu chưa sử dụng hết ở các công trường, bộ phận sản xuất để tính số vật liệu thực tế sử dụng cho công trình, đồng thời phải hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi (nếu có) theo từng đối tượng công trình.

+ Kế toán phải sử dụng triệt để hệ thống định mức tiêu hao vật liệu áp dụng trong xây dựng cơ bản và phải tác động tích cực để không ngừng hoàn thiện hệ thống định mức đó.

- Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng cho xây lắp, sản phẩm công nghiệp, thực hiện dịch vụ, lao vụ, vật liệu trực tiếp của doanh nghiệp xây lắp, kế toán sử dụng TK 621 “Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp”. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng hạng mục, công trình, từng khối lượng xây lắp, các giai đoạn ước đạt điểm dùng kỹ thuật có dự toán riêng. Đối với công trình lắp ráp, các thiết bị do chủ đầu tư bàn giao đưa vào lắp đặt không phản ánh ở tài khoản này.

Kết cấu TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Bên Nợ: Trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho hoạt động xây lắp

Bên Có:

- Trị giá nguyên vật liệu xuất dùng không hết nhập lại kho

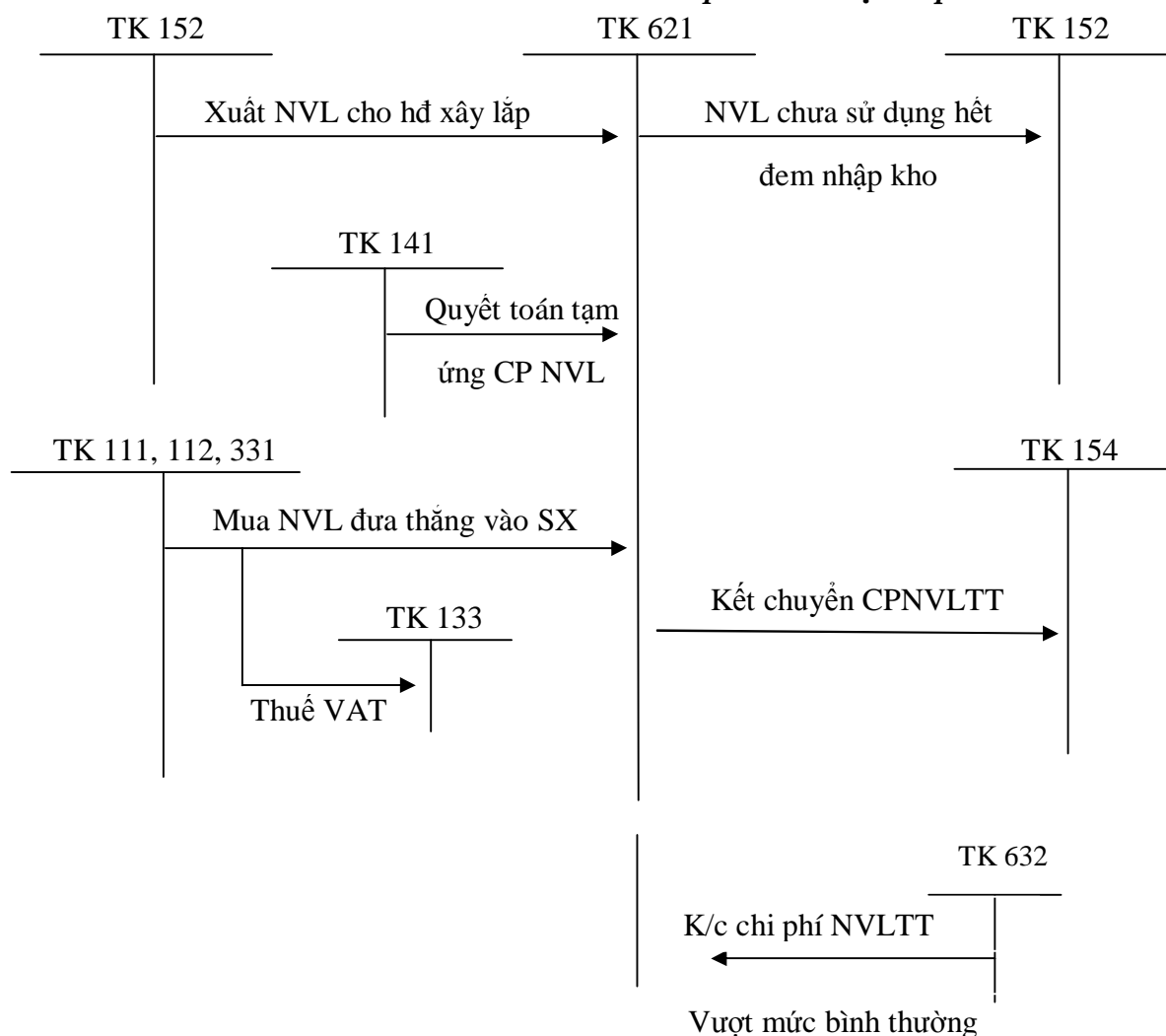
- Kết chuyển hoặc phân bổ để kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào TK 154 vào thời điểm cuối kỳ

- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường vào 632

TK 621 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán chi phí NVL trực tiếp



1.3.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

- Nội dung

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương, tiền công phải trả cho số ngày công lao động của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công tác xây lắp kể cả công

nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi thi công mặt bằng và nhân công chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công, không phân biệt nhân công trong danh sách hay thuê ngoài.

- Nguyên tắc hạch toán

Kế toán chi phí nhân công trực tiếp của hoạt động xây lắp luôn phải tuân thủ những quy tắc sau:

+ Tiền lương, tiền công phải trả chi công nhân liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì phải hạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó trên cơ sở các chứng từ gốc về lao động và tiền lương. Trong điều kiện sản xuất xây lắp không cho phép tính trực tiếp chi phí nhân công chi từng công trình, hạng mục công trình thì kế toán phải phân bổ trực tiếp cho các đối tượng tiền lương định mức hay gia công định mức.

+ Các khoản trích theo lương của công nhân xây lắp trực tiếp (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) không phản ánh trên TK 622 mà được tính vào chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp;

- Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào quy trình hoạt động xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”. Chi phí lao động trực tiếp bao gồm cả khoản phải trả cho lao động trực tiếp thuộc doanh nghiệp quản lý và lao động thuê ngoài theo từng loại công việc.

Kết cấu TK 622:

Bên Nợ: Chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh trong kỳ hạch toán

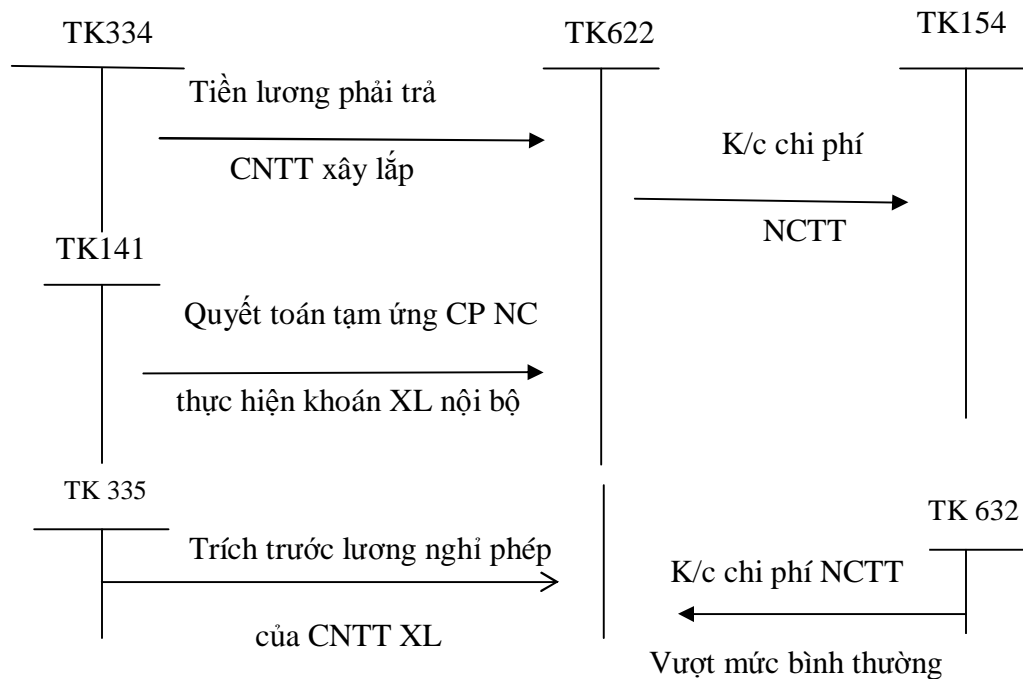
Bên Có:

- Kết chuyển hoặc phân bổ để kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp sang TK 154 vào thời điểm cuối kỳ

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường vào Tk 632 TK 622 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán chi phí nhân công trực tiếp



1.3.3.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

- Nội dung hạch toán

Máy thi công là các loại xe máy chạy bằng động lực (điện, xăng, dầu, khí nén) được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp các công trình như: Máy trộn bê tông, cần cẩu, máy ủi, máy xúc đất đóng cọc, ô tô vận chuyển... Các loại phương tiện thi công này có thể tự trang bị hoặc thuê ngoài.

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí về vật liệu nhân công và các chi phí khác có liên quan đến sử dụng máy thi công và được chia thành 2 loại: Chi phí thường xuyên, chi phí tạm thời.

+ *Chi phí thường xuyên*: là các chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công được tính thẳng vào giá thành của ca máy như tiền lương của nhân công trực tiếp điều khiển hay phục vụ xe máy thi công, chi phí nhiên liệu động lực vật liệu dùng cho xe máy thi công, khấu hao và sửa chữa thường xuyên xe máy thi công.

+ *Chi phí tạm thời*: là những chi phí phải phân bổ dần theo thời gian sử dụng máy thi công như chi phí tháo lắp vận chuyển, chạy thử thi công khi di chuyển từ công

trường này đến công trường khác, chi phí tháo dỡ công trình tạm thời.... phục vụ cho sử dụng máy thi công. Những chi phí này có thể phân bổ dần hoặc trích trước theo kế hoạch cho nhiều kỳ.

- Nguyên tắc hạch toán

+ Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phải phù hợp với hình thức quản lý sử dụng máy thi công của doanh nghiệp thông thường có 3 hình thức sử dụng máy thi công: Tổ chức đội máy thi công riêng biệt chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc thuê ngoài máy thi công hoặc tổ chức máy thi công và thi công hỗn hợp.

+ Tính toán phân bổ máy thi công cho các đối tượng sử dụng phải dựa trên cơ sở giá thành 1h/máy hoặc 1ca/ máy hoặc 1 đơn vị khối lượng công việc thi công bằng máy hoàn thành.

+ Chi phí máy thi công vượt trên mức bình thường khi được ghi nhận vào chi phí sản xuất xây lắp mà được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Tài khoản sử dụng

Để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng TK 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản này chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình thi công hỗn hợp vừa thi công thủ công vừa thi công bằng máy. Không hạch toán tài khoản này vào các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) của công nhân sử dụng máy thi công.

Kết cấu TK 623:

Bên Nợ: Chi phí sử dụng máy thi công thực tế phát sinh trong kỳ hạch toán

Bên Có:

- Kết chuyển hoặc phân bổ để kết chuyển sử dụng máy thi công trực tiếp sang TK 154 vào thời điểm cuối kỳ

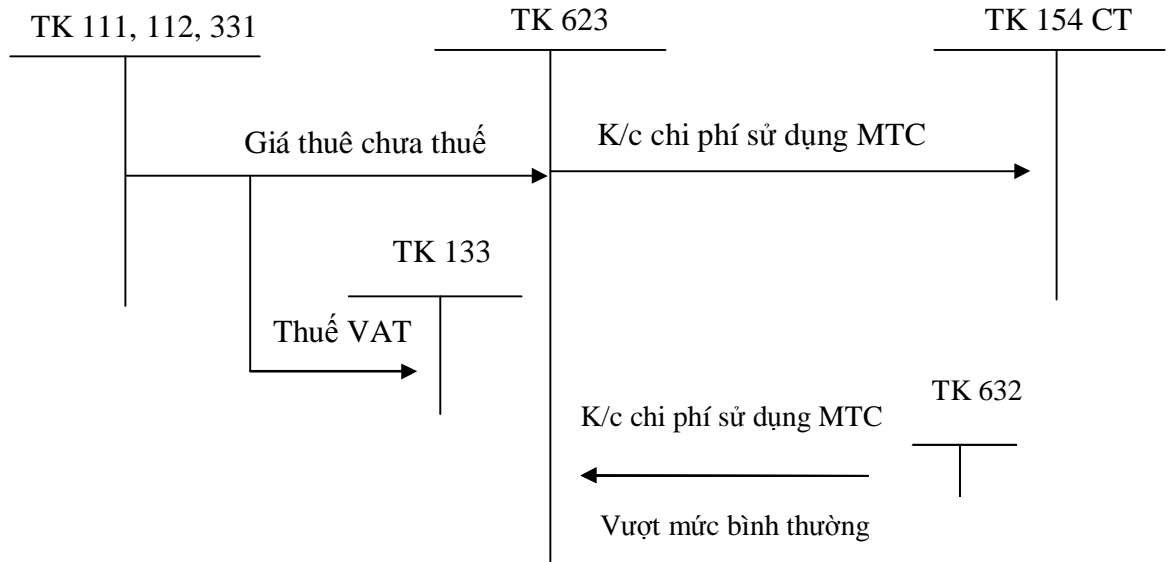
- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vượt trên mức bình thường vào Tk 632

TK 623 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp hạch toán

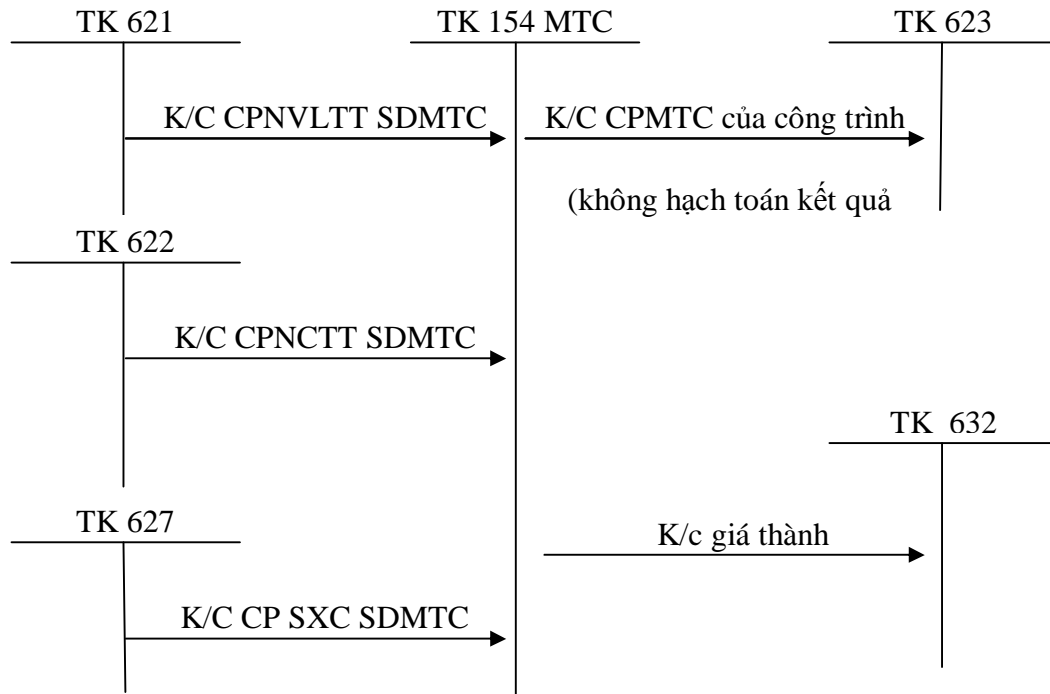
+ Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài máy thi công:

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công trường hợp doanh nghiệp thuê ngoài



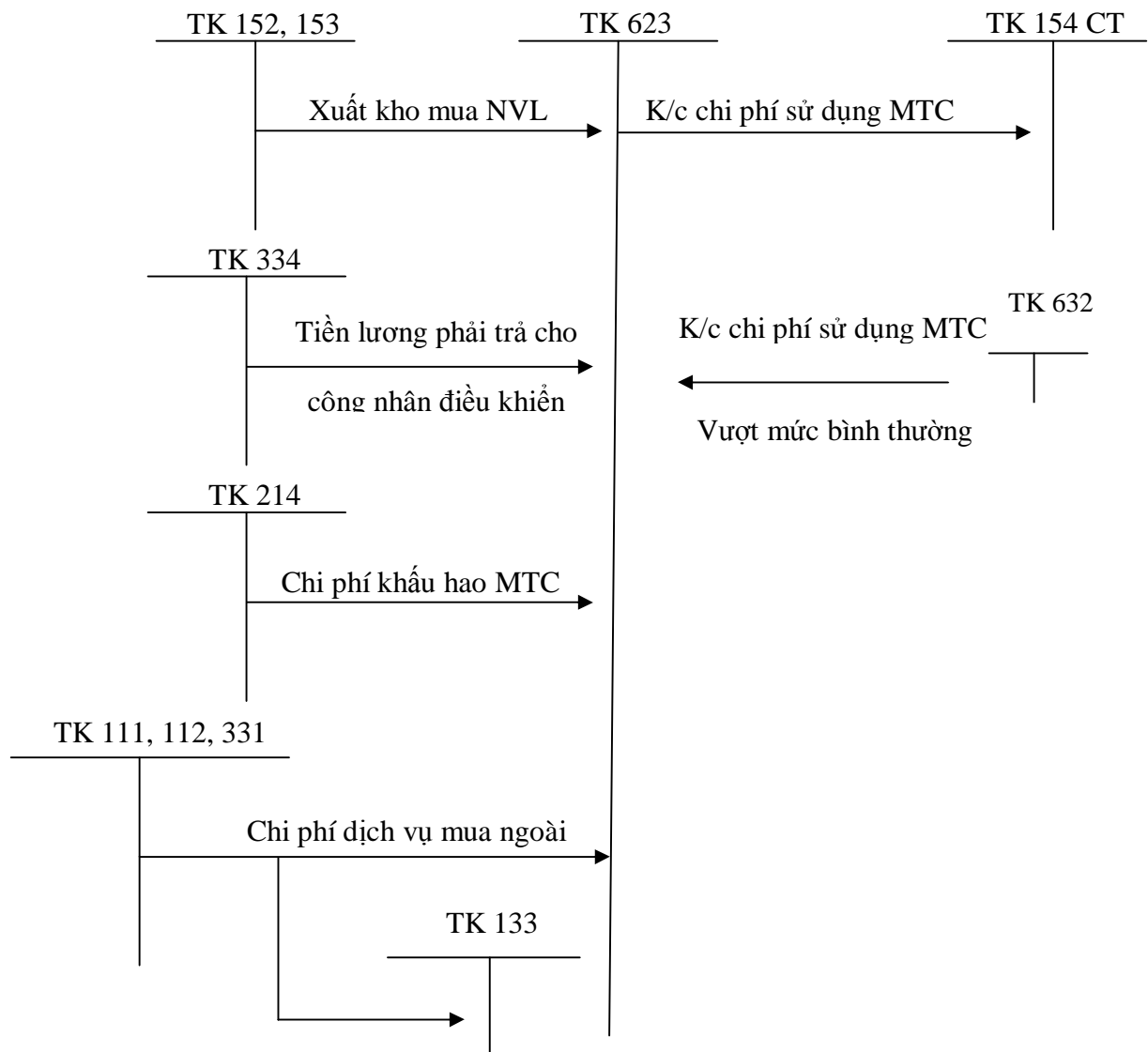
+ Trường hợp doanh nghiệp không tổ chức đội thi công riêng biệt:

Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công trường hợp đội máy thi công có tổ chức kế toán riêng



+ Trường hợp doanh nghiệp tổ chức máy và thủ công hỗn hợp:

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công trường hợp doanh nghiệp xây lắp tổ chức và thủ công hỗn hợp



1.3.3.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

- Nội dung hạch toán

Chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức phục vụ và quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trình.

Chi phí sản xuất chung là chi phí tổng hợp bao gồm nhiều khoản chi phí khác nhau thường có mối quan hệ gián tiếp với các đối tượng xây lắp như: Tiền lương nhân viên quản lý đội xây dựng, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN được tính theo tỷ

lệ quy định trên tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý đội (Thuộc biên chế của doanh nghiệp), khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động chung của đội xây lắp.

- Nguyên tắc hạch toán

+ Phải tổ chức hạch toán chi phí sản xuất chung theo từng công trình, hạng mục công trình đồng thời phải chi tiết theo các điều khoản qui định

+ Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất chung

+ Khi thực hiện khoán chi phí sản xuất chung cho các đội xây dựng thì phải quản lý tốt các chi phí đã giao khoán, từ chối không thanh toán cho các đội nhận khoán số chi phí ngoài dự toán.

+ Trường hợp chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều đối tượng xây lắp khác nhau, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng có liên quan theo tiêu thức hợp lý. Chi phí nhân công trực tiếp hoặc chi phí nhân công theo dự toán.

+ Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất chung

+ Khi thực hiện khoán chi phí sản xuất chung cho các đội xây lắp thì phải quản lý tốt chi phí đã giao khoán, từ chối không thanh toán cho các đội nhận khoán số chi phí sản xuất chung ngoài dự toán, bất hợp lý;

- Tài khoản sử dụng

Đề tập hợp chi phí quản lý và phục vụ thi công ở các đội xây lắp theo nội dung quy định và phân bổ hoặc kết chuyển chi phí sản xuất chung vào các đối tượng xây lắp có liên quan, kế toán sử dụng TK 627 “Chi phí sản xuất chung”. Chi phí lao động trực tiếp bao gồm cả khoản phải trả cho lao động trực tiếp thuộc doanh nghiệp quản lý và lao động thuê ngoài theo từng loại công việc.

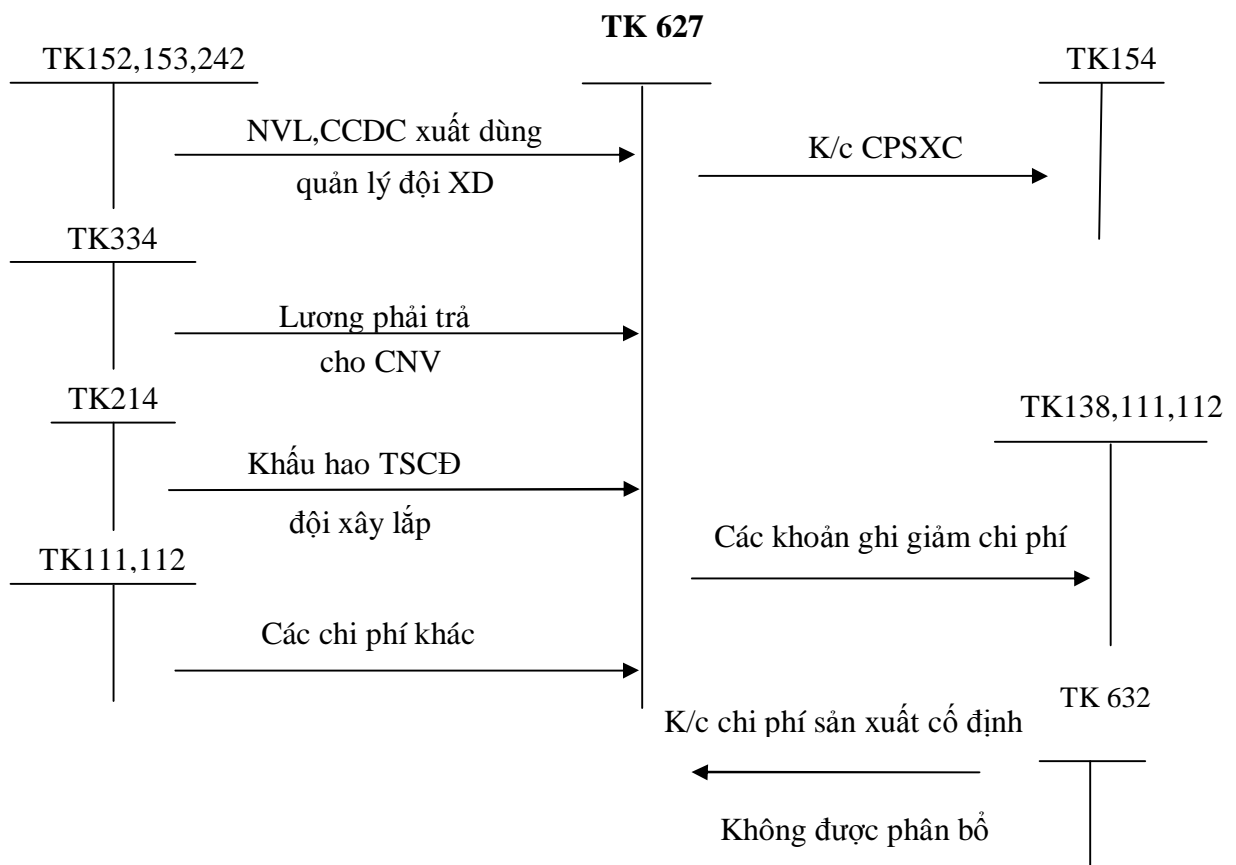
Kết cấu TK 627:

Bên Nợ: Chi phí nhân sản xuất chung thực tế phát sinh trong kỳ hạch toán

Bên Có:

- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung nếu có
 - Phần định phí sản xuất chung do hoạt động dưới công suất bình thường được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ
 - Kết chuyển hoặc phân bổ kết chuyển chi phí sản xuất chung vào TK 154 vào thời điểm cuối kỳ
- TK 627 không có số dư cuối kỳ
- *Phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu*

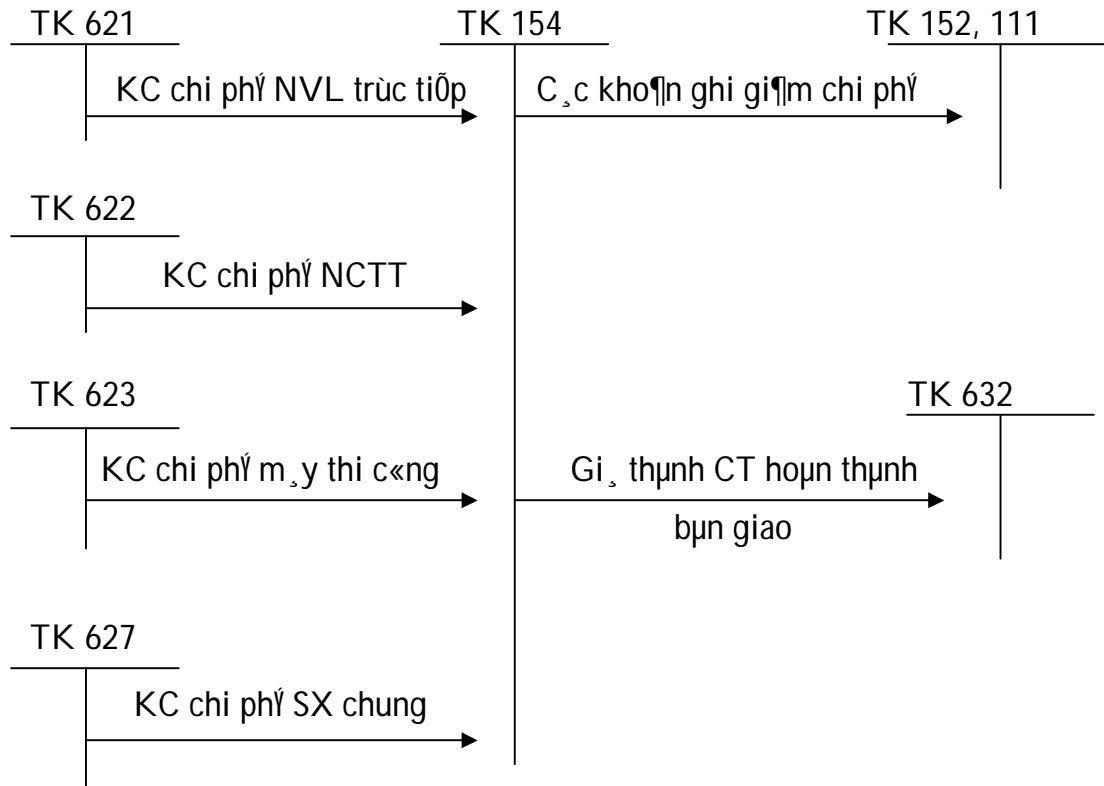
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất chung



1.3.3.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất của toàn doanh nghiệp

Kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Cuối kỳ, các chi phí sản xuất tập hợp ở TK 621, TK 622, TK 627 được kết chuyển sang bên nợ TK 154 để tổng hợp chi phí sản xuất trong kỳ (theo sơ đồ 1.7)

Sơ đồ 1.7: Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp



1.3.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

Sản phẩm xây lắp dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc xây lắp còn đang trong quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp chưa đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý, đã quy định hoặc đã hoàn thành nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quy định để bàn giao.

- Tính giá thành sản phẩm dở dang trong sản xuất xây lắp được xác định bằng phương pháp kiểm kê hàng tháng. Việc tính giá sản phẩm dở dang trong sản xuất xây lắp phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giữa bên nhận thầu và chủ đầu tư (bên giao thầu)

- Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp, sau khi hoàn thành toàn bộ thì giá trị sản phẩm dở dang là tổng chi phí phát sinh từ lúc khởi công đến thời điểm kiểm kê đánh giá.

- Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý hoặc theo tiến độ kế hoạch (xác định được giá dự toán) thì sản phẩm dở dang là các khối lượng xây lắp chưa đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được tính theo chi

phí trên cơ sở phân bổ chi phí của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn còn dở dang theo giá trị dự toán của chúng.

- Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá dự toán

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành không trùng nhau. Theo phương pháp này, chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm DD ĐK} \\ \\ \text{Giá trị của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp hoàn} \\ \text{thành theo dự} \\ \text{toán} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí xây} \\ \text{lắp phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \\ \\ \text{Giá trị của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang theo} \\ \text{dự toán} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Giá trị của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{theo dự toán} \end{array}} \times \begin{array}{r} \text{Giá trị của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{theo dự toán} \end{array}$$

- Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý

Nếu qui định thanh toán sản phẩm xây lắp theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý thì giá trị sản phẩm dở dang là giá trị khối lượng xây lắp và được tính theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của công trình đó cho các giai đoạn đã hoàn thành và giai đoạn còn dở dang theo giá trị dự toán của chúng.

1.3.5. Kế toán tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Trong các doanh nghiệp xây lắp, kế toán thường áp dụng các phương pháp tính giá thành sau:

1.3.5.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp tính giá thành trực tiếp)

Phương pháp này là phương pháp tính giá thành được sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay vì sản xuất thi công mang tính chất đơn chiếc, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với đối tượng tính giá thành. Hơn nữa, áp dụng phương pháp này cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành trong mỗi kỳ báo cáo và cách tính đơn giản, dễ dàng thực hiện.

Theo phương pháp này, tập hợp tất cả các chi phí sản xuất phát sinh trực tiếp cho một công trình hoặc hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó.

Trường hợp công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao thì:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & & & & & \text{Giá trị} \\ \text{khối lượng} & & \text{Giá trị thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{thực tế} \\ \text{xây lắp hoàn} & = & \text{KLSP dở} & + & \text{phát sinh trong} & - & \text{SPDD} \\ \text{thành} & & \text{dang đầu kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp theo công trường hoặc cả công trình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng hạng mục công trình. Kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm hoặc hệ số kinh tế kỹ thuật đã quy định cho từng HMCT để tính giá thành thực tế cho hạng mục công trình đó.

1.3.5.2. Phương pháp tính giá thành tỷ lệ

Trong trường hợp chi phí sản xuất được tập hợp theo đơn vị thi công, kế toán có thể căn cứ vào hệ số kinh tế kỹ thuật quy định cho từng hạng mục công trình và chi phí sản xuất cho cả nhóm để tính giá thành thực tế cho hạng mục công trình đó.

1.3.5.3. Phương pháp tính giá thành theo định mức

Phương pháp này có mục đích kịp thời phát hiện ra mọi chi phí sản xuất và phát sinh vượt quá định mức, từ đó tăng cường phân tích và kiểm tra kế hoạch giá thành. Nội dung của phương pháp này cụ thể như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành định} & & \text{Chênh lệch do} & & \text{Chênh} \\ \text{thực tế của} & = & \text{mức của sản} & + (-) & \text{thay đổi định} & +(-) & \text{lệch so với} \\ \text{sản phẩm} & & \text{phẩm} & & \text{mức} & & \text{định mức} \end{array}$$

So sánh chi phí phát sinh với định mức để xác định số chênh lệch. Tập hợp thường xuyên và phân tích những chênh lệch đó để kịp thời tìm ra những biện pháp khắc phục nhằm hạ giá thành sản phẩm.

Trên cơ sở tính giá thành định mức, số chênh lệch do thay đổi định mức, kết hợp với việc theo dõi chính xác số chênh lệch so với định mức, kế toán tiến hành xác định giá thực tế của sản phẩm xây lắp theo công thức.

1.4. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp

1.4.1. Phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm

- Ý nghĩa:

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá, phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm. Biến động tăng hoặc giảm chi phí sản xuất sản phẩm phản ánh trình độ điều hành, khai thác, sử dụng tổng hợp các yếu tố trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đánh giá tình hình thực hiện định mức chi phí sản xuất.

Giá thành và giá bán sản phẩm là những chỉ tiêu ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp. Bởi vậy, việc phân tích xác định nguyên nhân ảnh hưởng biến động giá thành và giá bán sản phẩm, cung cấp những thông tin giúp cho nhà quản trị đề ra quyết định quản lý chi phí sản xuất và định giá bán sản phẩm sao cho tổng mức lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tính toán và phân tích chi phí sản xuất kinh doanh giúp cho doanh nghiệp biết được phải sản xuất và phải bán với mức giá bao nhiêu thì mới đủ bù đắp được chi phí.

Qua đó doanh nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ để đạt mức lợi nhuận tối đa, hoà vốn hoặc nếu bị lỗ thì mức lỗ phải ở mức thấp nhất. Trên cơ sở đó doanh nghiệp cần tìm nguyên nhân đề xuất biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất. Việc tính toán đúng, đủ chi phí sản xuất bỏ ra sẽ giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp có thể hình dung được tình hình (thực trạng) về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đây cũng là vấn đề cơ bản để quyết định lựa chọn các yếu tố đầu vào, xử lý đầu ra của sản phẩm và xác định định mức chi phí hợp lý. Ngoài việc phân tích chi phí, tính toán tổng hợp chi phí doanh nghiệp cần phải tìm mọi biện pháp để điều chỉnh chi phí theo chiến lược thị trường. Đây là một trong những công việc cực kỳ quan trọng để xác định định mức chi phí hợp lý.

- Nhiệm vụ phân tích:

- Thu thập các thông tin về chi phí sản xuất, giá thành, giá bán của sản phẩm hàng hoá mà doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Vận dụng các phương pháp phân tích, phân tích đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến giá thành, giá bán sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp.
- Nghiên cứu xu thế biến động của giá thành, giá bán đơn vị sản phẩm của doanh nghiệp qua các kỳ phân tích.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về giá thành, giá bán sản phẩm hàng hoá cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhằm phục vụ cho việc đề ra các quyết định về chi phí trong giá thành và xác định giá bán sản phẩm hợp lý;
- Phân tích chung tình hình biến động giá thành đơn vị sản phẩm

- Chỉ tiêu phân tích

Phân tích tình hình biến động giá thành đơn vị sản phẩm sử dụng chỉ tiêu tỷ lệ hoàn thành kế hoạch giá thành đơn vị sản phẩm (từng loại sản phẩm).

- Phương pháp phân tích:

- Phương pháp so sánh
- So sánh giá thành đơn vị sản phẩm giữa thực tế năm nay với thực tế năm trước hoặc giữa thực tế so với kế hoạch

- Phân tích chung tình hình biến động tổng giá thành

Xuất phát từ mục đích quản lý doanh nghiệp có thể phân loại toàn bộ sản phẩm hàng hoá sản xuất của doanh nghiệp làm hai loại sản phẩm so sánh được và sản phẩm không so sánh được.

+ Sản phẩm so sánh được:

Là những sản phẩm mà doanh nghiệp đã chính thức sản xuất ở nhiều năm (kỳ), quá trình sản xuất ổn định và doanh nghiệp đã tích lũy được kinh nghiệm trong quản lý ở loại sản phẩm này, có đầy đủ tài liệu để tính giá thành, là căn cứ để so sánh khi sử dụng làm tài liệu phân tích.

+ Sản phẩm không so sánh được:

Là sản phẩm mới đưa vào sản xuất, hoặc mới đang trong giai đoạn sản xuất thử, quá trình sản xuất chưa ổn định, do đó doanh nghiệp chưa tích lũy được kinh nghiệm trong quản lý và chưa có đầy đủ tài liệu để tính giá thành, vì vậy chưa đủ căn cứ so sánh khi sử dụng làm tài liệu phân tích.

Mục tiêu của phân tích tình hình biến động tổng giá thành là đánh giá chung tình hình biến động giá thành của toàn bộ sản phẩm bằng cách so sánh giữa tổng giá thành thực tế với tổng giá thành kế hoạch (đã điều chỉnh theo sản lượng thực tế của toàn bộ sản phẩm) nhằm đánh giá tổng quát tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành, thấy được ưu nhược điểm trong công tác quản lý giá thành qua đó chỉ ra được khâu trọng điểm của công tác quản lý cũng như việc cần phải đi sâu nghiên cứu giá thành của sản phẩm nào hay khoản mục chi phí nào?

1.4.2. Sử dụng thông tin về chi phí sản xuất và thành sản phẩm xây lập phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp

Ra quyết định là một trong những chức năng cơ bản của người quản lý, đó là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp. Trong mỗi doanh nghiệp, thường có hai loại quyết định: Quyết định ngắn hạn và quyết định dài hạn.

- Quyết định ngắn hạn: Là những quyết định liên quan đến việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong khoảng thời gian ngắn nhất là một năm. Các loại quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp thường là: Chấp nhận hay từ chối một đơn đặt hàng đặc biệt với giá dự toán giảm. Nên ngừng hay vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng, các quyết định sản xuất khác trong điều kiện năng lực sản xuất có hạn....

Tiêu chuẩn chọn quyết định ngắn hạn, về mặt phương án lựa chọn là phương án có thu nhập cao nhất hay chi phí thấp nhất.

Các bước tiến hành phân tích thông tin chi phí ra một quyết định:

- Thu thập tất cả các chi phí gắn liền với từng phương án
- Loại bỏ những chi phí chìm
- Loại bỏ những chi phí không khác nhau giữa các phương án
- Ra quyết định căn cứ trên những chi phí giữ lại

Quyết định dài hạn: Là những quyết định mang tính chất kế hoạch dài hạn, thường liên quan đến việc thay đổi khả năng sản xuất như: Quyết định thay thế hoặc mua thêm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, lắp dây truyền sản xuất mới.

Tiêu chuẩn để lựa chọn quyết định đầu tư dài hạn đó chính là phương án có giá trị lợi tức nhiều hơn sau khi hoàn lại vốn ban đầu, thời gian hoàn vốn đầu tư ngắn hơn.

Có hai phương pháp được sử dụng rộng rãi trong việc giúp nhà quản trị lựa chọn phương án đầu tư, đó là:

- Phương pháp giá trị hiện tại thuần túy
- Phương pháp tỷ lệ sinh lợi điều chỉnh theo thời gian

Các báo cáo dự toán phục vụ cho việc kiểm soát, đánh giá và ra quyết định

- Báo cáo chi phí sản xuất:

Báo cáo sản xuất là báo cáo chi tiết về tình hình chi phí phát sinh tại phân xưởng sản xuất và kết quả hoàn thành nhằm cung cấp thông tin cho các cấp quản trị để từ đó ra quyết định phù hợp. Thực chất báo cáo sản xuất là các báo cáo mô tả các hoạt động diễn ra trong kỳ ở khu vực sản xuất hoặc đội thi công xây lắp nhằm đánh giá chất lượng của đội trưởng đội thi công. Báo cáo sản xuất có vai trò như các phiếu chi phí công việc trong việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. từ những thông tin trên báo cáo sản xuất, các nhà quản trị biết được kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra quyết định sản xuất và tiêu thụ với một mức sản lượng nhất định hay thi công một công trình với một tiến độ thích hợp. đây là một tài liệu có ý nghĩa quan trọng với các nhà quản trị doanh nghiệp trong việc kiểm soát chi phí và đánh giá chất lượng thi công của từng phân đội. đồng thời đây cũng là nguồn thông tin quan trọng để xây dựng định mức và dự toán chi phí cho các kỳ tiếp theo.

Cung cấp cho nhà quản lý những thông tin về chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí (tổ, đội, công trình...) và theo từng khoản mục chi phí (CP NVL trực tiếp, CP Nhân công trực tiếp, CP máy thi công, CP sản xuất chung).

Phương pháp lập báo cáo chi phí sản xuất: Căn cứ vào sổ chi tiết và sổ tổng hợp chi phí, tiến hành liệt kê các khoản mục chi phí theo từng đối tượng tập hợp chi phí (công trình, hạng mục công trình...), mỗi đối tượng được theo dõi trên một dòng.

- Nội dung của báo cáo sản xuất:

Các báo cáo sản xuất thường được lập cho các đội thi công gồm:

Phần 1: Kê khai sản lượng sản phẩm hoàn thành và sản lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

Phần 2: Tổng hợp chi phí sản xuất và xác định chi phí đơn vị

Phần 3: Cân đối chi phí sản xuất

- *Báo cáo giá thành sản phẩm:*

Cung cấp thông tin về tổng giá thành sản xuất thực tế của từng công trình, hạng mục công trình trên cơ sở đó so với giá thành kế hoạch để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của từng đơn vị trong doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch và đưa ra các quyết định liên quan đến việc định giá sản phẩm tương tự.

- Phương pháp lập: Liệt kê các chỉ tiêu giá thành kế hoạch, giá thành thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình, tổng giá thành cho từng đơn vị thuộc doanh nghiệp, mỗi đối tượng tính giá thành được theo dõi trên một dòng.

- *Báo cáo thực hiện kế hoạch:*

Cung cấp thông tin về việc thực hiện kế hoạch trong kỳ báo cáo thông qua các chỉ tiêu trên báo cáo để giúp ban lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá đúng tình hình doanh nghiệp và đưa ra các giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp thực hiện tốt hơn những chỉ tiêu kế hoạch sẽ đưa ra trong những kỳ tiếp theo.

- Phương pháp lập: Liệt kê các chỉ tiêu đã xây dựng trong kế hoạch đầu kỳ, mỗi chỉ tiêu một dòng, thể hiện sự so sánh tương đối số liệu kế hoạch và số liệu thực hiện cùng kỳ năm trước trên các cột tương ứng.

1.5. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp trong điều kiện khoán

1.5.1. Ảnh hưởng của cơ chế khoán trong các doanh nghiệp xây lắp đến công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Kinh doanh xây lắp là ngành sản xuất vật chất quan trọng mang tính chất công nghiệp nhằm tạo ra cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế quốc dân. Có thể nói ngành công nghiệp xây lắp có vai trò quan trọng trong công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước. tuy nhiên hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp theo mô hình khoán nói riêng có những đặc điểm rất riêng rất khác biệt so với các ngành sản xuất khác. Trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay, phương thức khoán sản phẩm đang được áp dụng phổ biến, phương thức này rất thích hợp với cơ chế thị trường, tạo điều kiện chuyên môn hoá cao trong lao động, nâng cao trách nhiệm của đội xây dựng, của người lao động với công việc được giao, từ đó thúc đẩy đơn vị, bộ phận xây dựng chủ động trong hoạt động của đơn vị mình, khuyến khích đổi mới tổ chức, quản lý sản xuất, nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động.

1.5.2. Các hình thức giao khoán trong doanh nghiệp xây lắp

- Các đối tượng cần thực hiện khoán:

Trong doanh nghiệp xây dựng nói chung và trong các công ty xây lắp và cơ giới nói riêng, các đối tượng thực hiện công việc là các công trình, hạng mục công trình. Hiện nay các đối tượng này đều được các công ty thực hiện khoán nhằm đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi về tính chất của sản phẩm, thị trường. Song mỗi công việc lại áp dụng một hình thức khoán phù hợp với mỗi loại hình công việc.

- Hệ thống tổ chức khoán:

Do tính chất, đặc điểm của ngành, sản phẩm xây dựng mà ở các doanh nghiệp đã hình thành các đội, tổ đội thực hiện các lĩnh vực công việc khác nhau mang tính chuyên môn hoá hoặc tổng hợp. Trong cơ cấu tổ chức quản lý ở một công ty xây dựng nói chung và ở các đơn vị thi công cơ giới và xây lắp nói riêng hiện nay nếu công ty là trung tâm sẽ có dạng cơ cấu tổ chức như sau:

Công ty – xí nghiệp – đội – tổ

Công ty – đội – tổ

Công ty – xí nghiệp – công trình – đội – tổ

Trong thực hiện khoán các loại hình công việc thì đối tượng nhận khoán là các đội, tổ, người lao động trong công ty. Thực hiện hợp đồng giao khoán giữa một bên là công ty (bên giao khoán) và bên đội tổ (bên nhận giao khoán).

- Các hình thức giao khoán hiện nay gồm:

+ *Khoán gọn công trình hay khoán toàn bộ chi phí sản xuất:* theo hình thức này đơn vị sẽ giao khoán toàn bộ công trình cho bên nhận khoán theo một tỷ lệ nhất định tính trên giá trị hợp đồng. đơn vị nhận khoán tự tổ chức cung ứng vật tư, máy móc thiết bị, kỹ thuật, nhân công để thực hiện khối lượng xây lắp nhận khoán. Khi hoàn thành công trình giữa bên giao và bên nhận khoán tiến hành quyết toán công trình. Hiện nay hình thức khoán này được áp dụng khá phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp, theo phương thức này giá thành xây lắp công trình chính là giá giao khoán cho các đội, đội có trách nhiệm tập hợp, phân loại chứng từ, lập bảng kê chi phí về phòng kế toán để tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành và ghi sổ kế toán.

+ *Hình thức khoán các chi phí sản xuất chủ yếu:* theo hình thức này đơn vị giao khoán sẽ khoán từng khoản mục chi phí với bên nhận khoán (nguyên vật liệu, nhân công...) bên nhận khoán chịu trách nhiệm về các khoản mục chi phí nhận khoán.

- Khoán chi phí sử dụng máy thi công:

Trong xây lắp do tính chất và đặc điểm của công trình nên máy móc sử dụng trong quá trình thi công là rất lớn. Do vậy khi thực hiện khoán công trình công ty thường giao khoán phần chi phí sử dụng máy cho đội. Để thực hiện phần khoán này công ty dựa vào định mức sử dụng máy móc cho một đơn vị công việc và đơn giá sử dụng máy móc được thống nhất trong hợp đồng khoán để khoán cho đội.

- Khoán vật tư và nhiên liệu chủ yếu:

Do điều kiện thi công, địa điểm thi công ngày càng xa, trên các địa bàn khác nhau nên việc vận chuyển cung ứng vật tư, nhiên liệu từ công ty tới các công trường gặp khó khăn, chi phí lớn và không đảm bảo tiến độ thi công. Mặt khác thị trường vật tư nhiên liệu ngày càng mở rộng, việc cung ứng vật tư tại chỗ sẽ thuận tiện hơn công ty công bao cấp. Việc cung ứng tại chỗ có thể giảm bớt các chi phí về vận chuyển, giao

dịch, bảo quản, cấp phát giá cả...do đó có thể làm hạ giá thành công trình cho tổ, đội. Bên cạnh đó còn giúp cho tổ đội chủ động hơn trong sản xuất.

Để thực hiện khoản phân chi phí này một số công ty khi chưa có hệ thống định mức kỹ thuật nội bộ thường dựa vào hệ thống định mức vật tư của nhà nước ban hành và đơn giá vật tư trên thị trường. Công ty chỉ chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí vật tư nhiên liệu trong định mức và đơn giá đã thoả thuận trong hợp đồng khoán.

Ngoài ra còn hình thức khoán tiền lương, tiền công, khoán các chi phí khác....

- Tài khoản sử dụng:

- Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng

Tại đơn vị giao khoán: Kế toán sử dụng TK1413 “Tạm ứng chi phí xây lắp giao khoán nội bộ” để phản ánh các khoản thanh toán nội bộ về các khoản tạm ứng. TK này được mở chi tiết cho từng đơn vị nhận khoán, từng hạng mục công trình.

Tại đơn vị nhận khoán: Do không tổ chức bộ máy kế toán riêng nên bộ phận này chỉ thực hiện công tác tập hợp chứng từ liên quan đến khối lượng xây lắp nhận khoán và nộp lại cho đơn vị giao khoán.

- Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng

Tại đơn vị giao khoán: Kế toán sử dụng TK1362 “Phải thu giá trị xây lắp giao khoán nội bộ” để phản ánh quan hệ giữa bên giao và bên nhận khoán. TK này được mở chi tiết cho từng đơn vị nhận khoán, từng hạng mục công trình.

Tại đơn vị nhận khoán: Kế toán sử dụng TK 3362 “Phải trả giá trị xây lắp giao khoán nội bộ”

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, tác giả chủ yếu đưa ra những nguyên lý về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị. Đây là những căn cứ cho việc hạch toán tại công ty và việc đánh giá việc áp dụng những nguyên lý về kế toán chi phí tại công ty sẽ được đề cập ở chương 2. Những nguyên lý được đưa ra ở chương này cơ sở quan trọng nhất để công ty hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm là những công trình xây dựng, một nội dung khó hạch toán và xác định giá thành vì tính chất sản phẩm là kéo dài nhiều năm và có nhiều loại chi phí phát sinh có liên quan đến từng công trình.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Xây dựng Bình Minh

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Tên công ty: **Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Bình Minh**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Ninh, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình

Ngày bắt đầu hoạt động: 26/11/1994

Ngày cấp phép hoạt động: 26/11/1994

Vốn điều lệ: 7.500.000.000 đồng

Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Bình Minh tiền thân là doanh nghiệp Xây dựng Bình Minh, là Doanh nghiệp tư nhân được thành lập ngày 26 tháng 11 năm 1994 theo quyết định số 30/GP.UB của ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình. Ngày 30 tháng 9 năm 2009, doanh nghiệp xây dựng Bình Minh đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Bình Minh mã số doanh nghiệp 2700484286. Trải qua 21 năm trưởng thành và phát triển, mặc dù gặp nhiều khó khăn do chuyển đổi cơ chế nhưng nhờ áp dụng công nghệ và thiết bị thi công tiên tiến, cạnh tranh bằng chất lượng và tiến độ thi công. Công ty đã tham gia nhiều dự án lớn, yêu cầu kỹ thuật cao.

Ngày nay, Công ty đã đầu tư thêm nhiều thiết bị thi công hiện đại với các công nghệ kỹ thuật thi công nền, mặt đường cấp cao, có đội ngũ cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề đủ điều kiện tham gia thi công các công trình có yêu cầu kỹ thuật và chất lượng quốc tế.

Với mục tiêu phát triển bền vững, vươn tới tầm cao, công ty Bình Minh luôn chú trọng đầu tư chiều sâu, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành...bổ sung và hiện đại hoá trang thiết bị thi công, không ngừng

ngiên cứu và áp dụng công nghệ xây dựng tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Công ty TNHH xây dựng Bình Minh là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, giao thông, thuỷ lợi... với các dịch vụ chính bao gồm:

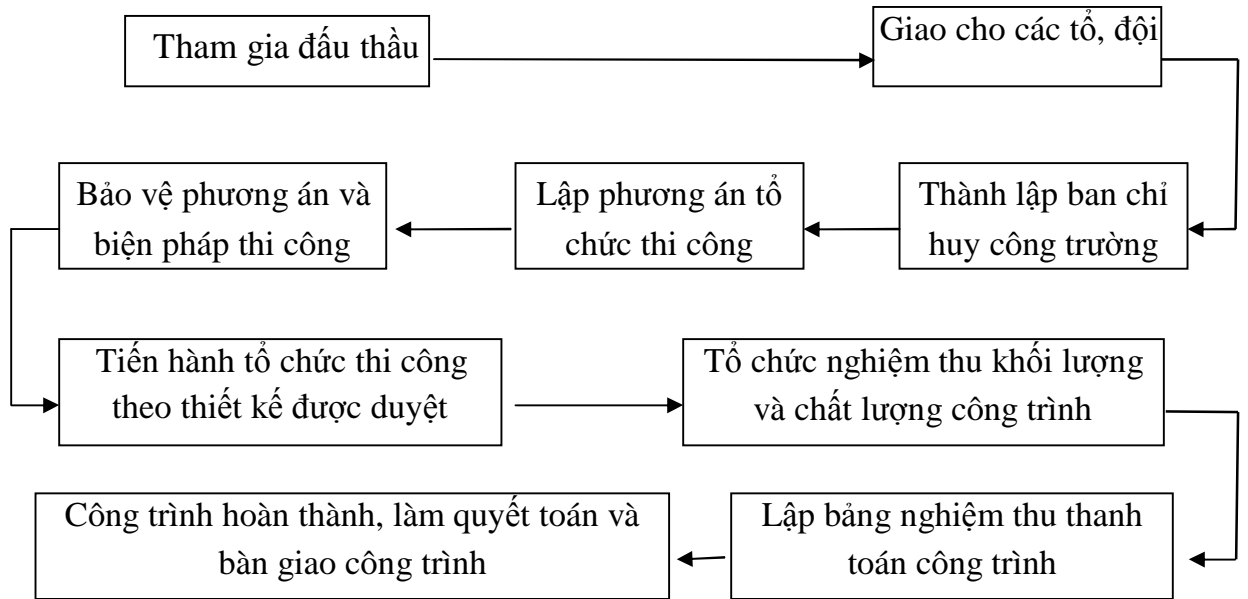
- Xây dựng nhà các loại
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp
- Lắp đặt hệ thống điện
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp

2.1.2. Quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh

- Công ty thường ra được giá trị dự thầu tốt, năng lực tài chính minh bạch, lực lượng nhân sự có tay nghề cao và hệ thống cơ sở vật chất tốt với máy móc và trang thiết bị hiện đại nên thường trúng thầu những công trình có giá trị lớn hàng nghìn tỷ đồng; bộ máy kế toán tập trung tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến các công trình và tiến hành tính giá thành công trình;

- Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh trực tiếp tham gia thầu, tùy tính chất từng công trình có thể giao khoán cho đội hoặc công ty trực tiếp thi công, trong quá trình thi công công ty và Đội chịu trách nhiệm trước pháp luật về an toàn lao động và chất lượng công trình. Tại các Công ty quá trình sản xuất kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Khái quát quy trình sản xuất kinh doanh



(Nguồn: Phòng Kế hoạch)

- Công ty ghi sổ theo hình thức chứng từ ghi sổ với hệ thống chứng từ đầy đủ và thuận tiện cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành. Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành là các công trình, hạng mục công trình xây lắp, xây dựng dự toán riêng cho từng hạng mục công trình;

- Phương pháp tập hợp chi phí theo chi phí NVL trực tiếp, phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng. Công ty phân loại cụ thể các chi phí cấu thành nên giá thành xây lắp là chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung thuận tiện cho quá trình tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty;

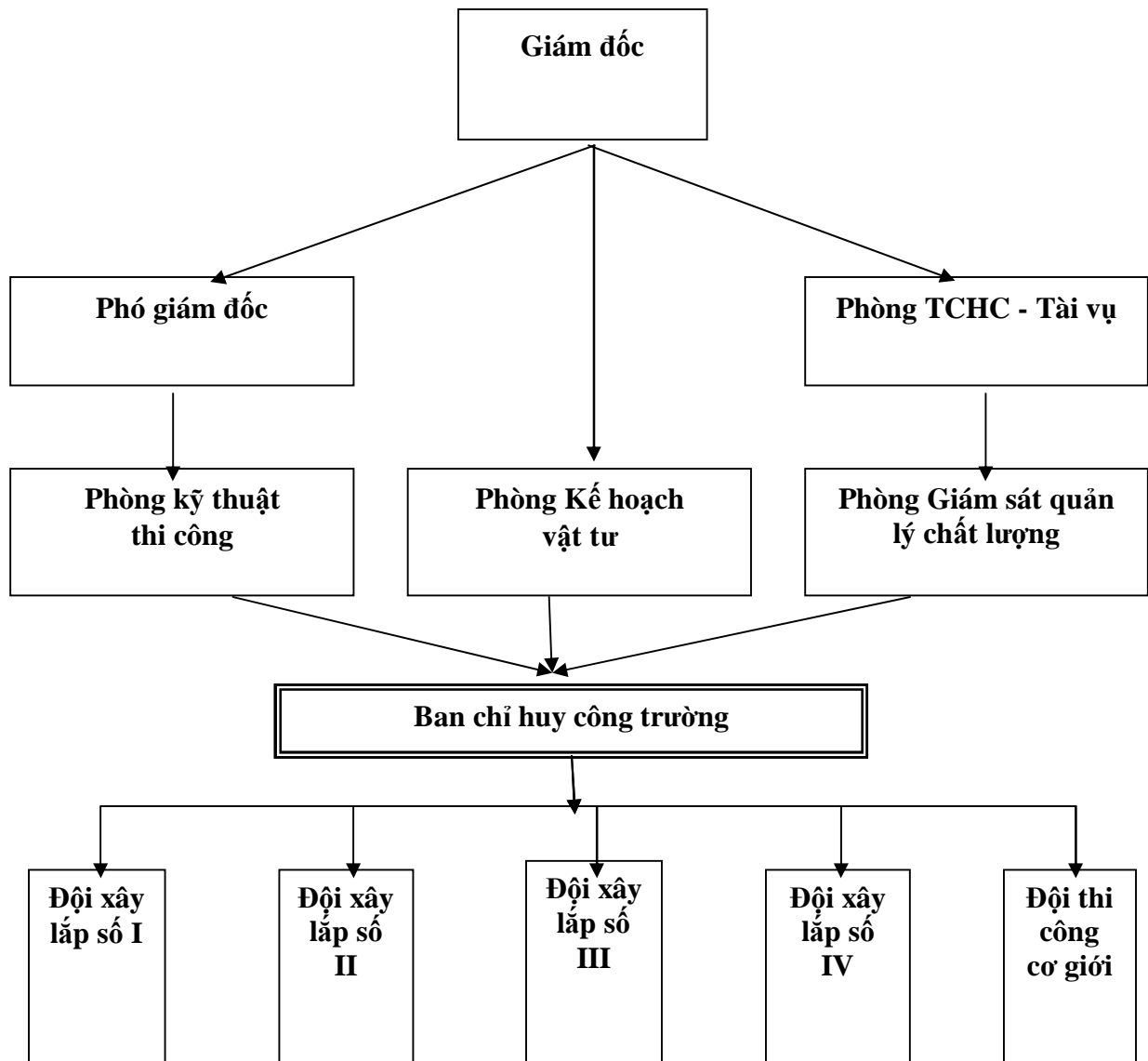
- Quá trình thi công được áp dụng nhiều phương tiện và máy móc hiện đại để thi công công trình, lực lượng nhân công tay nghề cao, nhân viên kế toán hạch toán các khoản mục chi phí hợp lý với đầy đủ hoá đơn chứng từ cho việc tính giá thành sản phẩm.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

a. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Bình Minh

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Bình Minh được bố trí theo quan hệ trực tuyến từ trên xuống dưới. Quan hệ này giúp cho việc điều hành từ trụ sở tới ban chỉ huy công trường, từ Ban chỉ huy công trường xuống tới các đội sản xuất của người quản lý là rất thuận lợi. Thực hiện nhanh chóng các lệnh sản xuất của nhà thầu. Nên luôn đáp ứng được các yêu cầu về tiến độ cũng như chất lượng công trình. Cụ thể như sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy công ty



Nguồn: Phòng kế toán tài

b. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban trong công ty

Giám đốc: Là người đại diện trước Pháp luật và Nhà nước có nhiệm vụ điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất.

- Quyết định các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.
- Tổ chức, quản lý nhân sự (tuyển chọn, sắp xếp, phân công quyền hạn, trách nhiệm...cho từng vị trí trong công ty).
- Quyết định thưởng phạt công minh hợp lý.
- Quyết định mức lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên...

Phó giám đốc: Là người dưới quyền giám đốc có nhiệm vụ giúp giám đốc giải quyết các công việc được phân công và chỉ đạo các bộ phận. Chủ động và triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hiệu quả các hoạt động.

Phòng tổ chức hành chính - tài vụ:

- Tham mưu cho giám đốc về việc tổ chức nhân sự, điều hành lao động đào tạo và phát triển tay nghề cho công nhân viên, ký kết hợp đồng lao động, quyết định khen thưởng, phạt, kỷ luật, thủ tục hành chính, công tác đối nội, đối ngoại.
- Tổ chức công tác hạch toán, ghi chép tập hợp chi phí, quyết toán và lập báo cáo quyết toán, xác định được nguồn vốn để cân đối và khai thác nguồn vốn kịp thời đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về công tác kế toán.

Phòng kỹ thuật thi công: Tham mưu giúp Ban Giám đốc quản lý thiết bị, công nghệ; kiểm tra đốc thúc công nhân thi công đúng kỹ thuật, thí nghiệm chất lượng vật tư đưa vào công trường và chất lượng sản phẩm.

Phòng kế hoạch vật tư: Tham mưu giúp Ban Giám đốc quản lý, mua sắm và bảo quản vật tư, quản lý số lượng vật tư nhập kho, xuất kho...

Phòng giám sát quản lý chất lượng: Kiểm tra sản phẩm trong suốt quá trình sản xuất từ khi bắt đầu sản xuất đến khi hoàn thành sản phẩm và tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác quản lý chất lượng.

Ban chỉ huy công trường: Thường xuyên có mặt tại hiện trường để chỉ đạo chung toàn công trường, giải quyết các vấn đề đối ngoại, các thủ tục hành chính đối với Ban quản lý và địa phương.

Các đội sản xuất: Trực tiếp sản xuất sản phẩm qua các công đoạn cho đến lúc hoàn chỉnh.

2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức phù hợp với hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung và ghi sổ theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ. Đội tổ chức hạch toán báo sổ, công ty hạch toán phụ thuộc.

Phòng tài chính - kế toán phân công các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Kế toán trưởng: là người chỉ đạo chung công tác hạch toán của phòng tài chính kế toán, chỉ đạo trực tiếp xuống từng bộ phận kế toán riêng biệt và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty và cơ quan pháp luật về mọi số liệu của nhân viên trong phòng.

- Kế toán tổng hợp: theo dõi tình hình vốn và nguồn vốn của công ty, định khoản kế toán, vào sổ cái, làm báo cáo kế toán tháng, quý, năm.

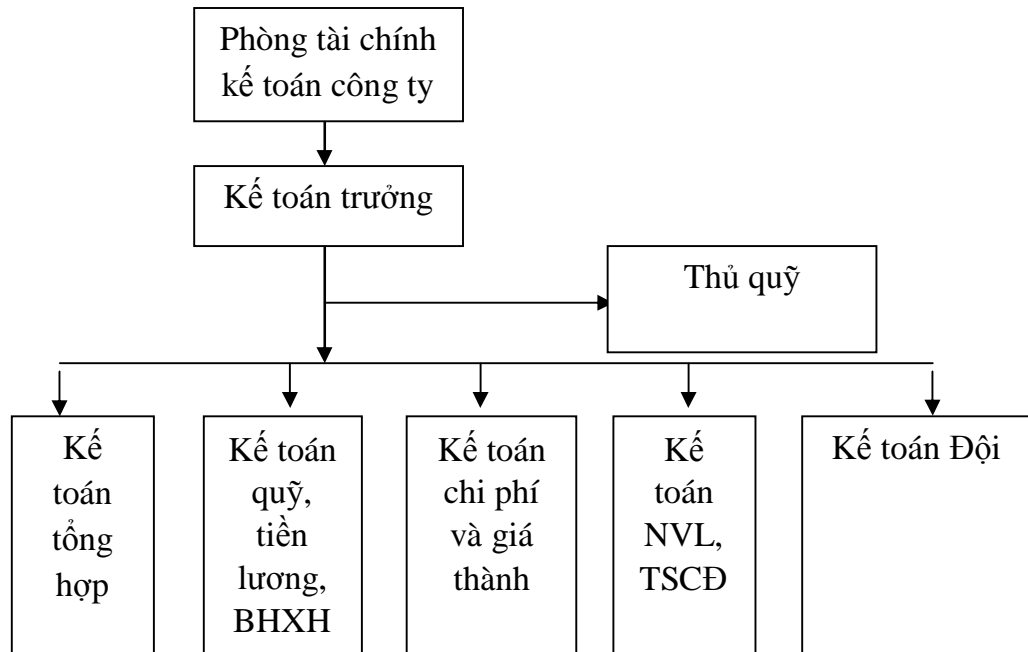
- Kế toán quỹ, tiền lương, BHXH: hàng kỳ tập hợp bảng chấm công, phiếu nghiệm thu sản phẩm hoàn thành của các tổ sản xuất và các phòng ban để làm căn cứ tính lương và BHXH theo quy định của Nhà nước. Căn cứ vào phiếu thu, chi tiền mặt để nhận và cấp phát tiền mặt, cuối kỳ tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt.

- Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: theo dõi sự biến động của nguyên vật liệu, viết phiếu nhập, xuất kho theo giá thực tế. Đồng thời, tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm, đối chiếu số liệu với kế toán kho và kế toán tổng hợp.

- Kế toán nguyên vật liệu, tài sản cố định: Viết phiếu nhập, xuất nguyên vật liệu, tính giá bình quân nguyên vật liệu xuất kho, kết hợp với kế toán kho kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho. Theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ, nguồn hình thành TSCĐ, tính và trích khấu hao TSCĐ hàng tháng.

- Kế toán Đội: là người giúp đội trưởng tổ chức công tác kế toán tài chính tại Đội, đồng thời là người thay mặt Phòng tài chính- kế toán thực hiện nhiệm vụ tập hợp, theo dõi các hoạt động kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Đội.

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty



(Nguồn: Phòng kế toán tài chính)

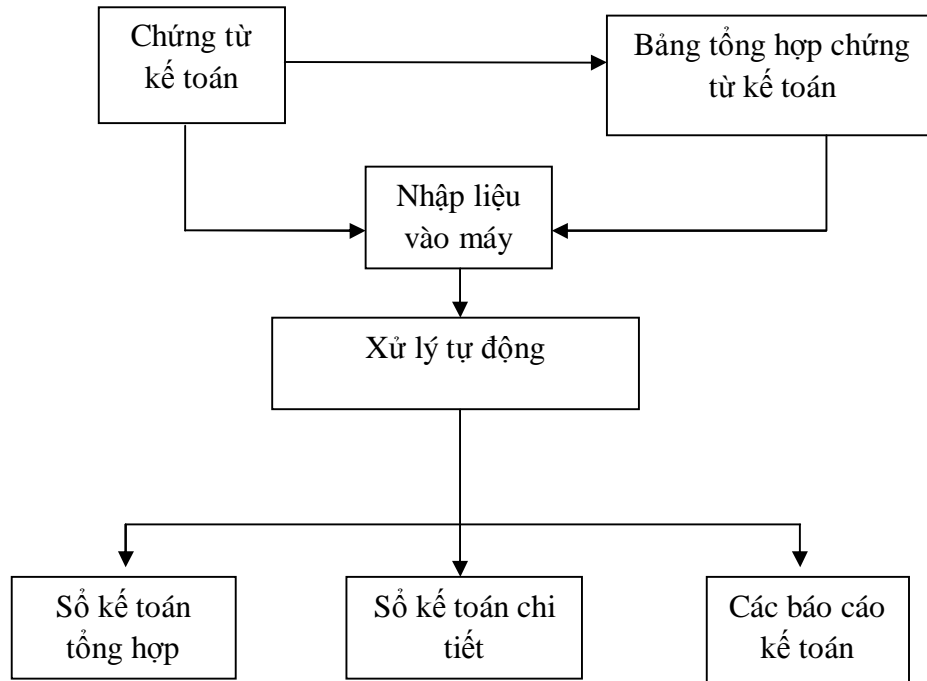
2.1.4.2. Đặc điểm kế toán áp dụng tại công ty

Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Thước đo tiền tệ trong ghi chép kế toán là Việt Nam đồng, nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác áp dụng theo tỷ giá quy đổi thực tế của ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.

- Hiện nay, công ty TNHH Xây dựng Bình Minh đang áp dụng hình thức chứng từ kế toán ghi sổ, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán tài sản cố định theo phương pháp tính khấu hao theo đường thẳng và sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên đối với hàng tồn kho.

**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh
trên máy vi tính**



(Nguồn: Phòng kế toán tài chính)

2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty vận dụng thực hiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm

Công ty sử dụng các loại sổ dựa trên hình thức Chứng từ ghi sổ và đã mở các loại sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết để đáp ứng nhu cầu quản lý.

Các báo cáo kế toán tài chính được lập và trình bày theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính gồm các báo cáo:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính

Ngoài ra để phục vụ công tác kế toán quản trị, công ty còn lập các báo cáo chi tiết như:

- Báo cáo chi tiết giá thành công trình
- Báo cáo định mức...

2.1.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm qua

Bảng 2.1. Tình hình tài chính 2013 -2015 (ĐVT: trđ)

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng số tài sản có	166.613,72	145.338,23	159.690,17
2	Tổng số tài sản lưu động	159.414,89	134.430,86	151.282,89
3	Tổng tài sản nợ	166.673,72	145.338,23	159.690,57
4	Tổng tài sản nợ lưu động	159.812,49	133.194,30	147.600,74
5	Nguồn vốn chủ sở hữu	6.062,75	11.405,46	12.089,43
6	Doanh thu tiêu thụ sản phẩm	146.353,88	203.983,67	202.456,93
	- Doanh thu thuần BH và cung cấp DV	146.262,32	201.588,58	202.429,52
	- Doanh thu hoạt động tài chính	91,56	2.395,11	40,70
	- Thu nhập khác			(1.414,47)
7	Lợi nhuận trước thuế	2.060,66	2.939,24	2.221,08
8	Lợi nhuận sau thuế	1.545,49	2.204,43	1.127,58

(Nguồn: Phòng kế toán tài chính)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta có thể thấy tình hình hoạt động kinh doanh của công ty qua 3 năm gần nhất từ 2013 đến 2015. Số vốn lưu động luôn duy trì ở mức ổn định, tổng tài sản nợ có xu hướng ổn định qua các năm cho thấy tình hình kinh doanh của công ty khá ổn định. Vốn chủ sở hữu cũng được đầu tư thêm hàng năm. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm tăng dần theo các năm và không có thu nhập từ hoạt động khác như đầu tư chứng khoán hay mua cổ phiếu... qua bảng tổng hợp ta có thể thấy tình hình hoạt động của công ty khá ổn định và có xu hướng phát triển trong những năm sắp tiếp theo.

2.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh

2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Trong khu vực sản xuất gọi là chi phí sản xuất. Ngoài khu vực sản xuất gọi là chi phí ngoài sản xuất. Chi phí sản xuất của công ty bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là chi phí về NVL sử dụng trực tiếp tạo ra sản phẩm
- Chi phí nhân công trực tiếp: là các khoản chi về tiền lương, tiền công, tiền ăn giữa ca và các khoản trích nộp của công nhân trực tiếp sản xuất
- Chi phí sử dụng máy thi công:
 - + Các chi phí máy móc, trang thiết bị thuộc quyền sử dụng của đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất
 - + Các chi phí về thuê máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất
- Chi phí sản xuất chung: là các chi phí sử dụng chung cho hoạt động sản xuất, chế biến của Đội như: khấu hao TSCĐ, tiền lương, bảo hiểm, KPCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, các khoản chi thưởng năng suất lao động, sáng kiến, tiết kiệm và các chi phí khác bằng tiền.

2.2.2. Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất của công ty là sản xuất theo đơn đặt hàng, quy trình công nghệ sản xuất theo kiểu gián đơn nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của Công ty là từng công trình, hạng mục công trình.

2.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại công ty

Việc quản lý và hạch toán các chi phí sản xuất được quy định cụ thể tại cấp đội và cấp công ty theo điều 19 của quyết định số 170/QĐ-GĐ ngày 25 tháng 10 năm 2010 về tổ chức quản lý tài chính và hạch toán kế tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh.

2.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

a. Nội dung:

Thông thường đối với các công trình xây dựng thì chi phí nguyên vật liệu là chi chí chiếm tỷ trọng lớn, thường từ 60% đến 70% trong giá trị sản phẩm, đối với một số công trình về đường quốc lộ hay đường cao tốc thì chi phí về máy thi công sẽ chiếm tỷ lệ cao hơn. Vì vậy việc hạch toán đầy đủ, chính xác quản lý tốt nguyên vật liệu là nhân tố quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm. Do điều kiện kho bãi hạn chế nên các vật liệu chính sử dụng của các công trình xây lắp hầu hết có khối

lượng lớn, công kênh, gây khó khăn cho quá trình vận chuyển, tồn trữ và bảo quản, mặt khác các công trình thi công nằm phân tán xa trụ sở công ty nên một số nguyên vật liệu chính cung ứng cho quá trình thi công sẽ được mua và vận chuyển tới tận chân công trình tuy nhiên hầu hết các nguyên vật liệu chính đều được mua về để nhập kho phục vụ cho các công trình như xi măng, sắt, thép...

b. Chứng từ và tài khoản:

-. Chứng từ sử dụng:

Phiếu Xuất kho

Lập Phiếu xuất: 03 bản

+ Bản 1: bản gốc kèm chứng từ gốc lưu kế toán

+ Bản 2 lưu nơi lập phiếu

+ Bản 3 giao thủ kho

- Kiểm kê vật tư, hàng hoá: Sau mỗi kỳ sản xuất phải tiến hành kiểm kê tồn kho vật tư, hàng hoá. Biên bản kiểm kê được lập thành 04 bản đầy đủ nội dung, đúng mẫu quy định:

+ 01 bản gửi đơn vị cấp trên

+ 01 bản gửi thủ kho

+ 01 bản gửi thống kê vật tư

+ 01 bản lưu kế toán Đội

- Sổ sách kế toán:

+ Thủ kho: sổ xuất nhập vật tư

+ Kế toán: sổ chi tiết vật tư

b. Tài khoản sử dụng:

Đề tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” để phản ánh toàn bộ nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm, tài khoản này được mở chi tiết cho từng hạng mục công trình, công trình.

c. Phương pháp hạch toán:

Hiện nay, ở Công ty mỗi tổ đội có thể cùng thi công một lúc nhiều công trình, hạng mục công trình. Do đặc điểm của sản phẩm xây lắp là địa điểm phát sinh chi phí ở nhiều nơi khác nhau, để thuận tiện cho việc xây dựng, Công ty giao cho tổ đội tự tìm nguồn cung ứng từ bên ngoài dựa trên định mức đã đề ra. Do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và của sản phẩm xây lắp, địa điểm phát sinh chi phí ở nhiều nơi khác nhau, để thuận tiện cho việc xây dựng công trình, tránh chi phí vận chuyển, Công ty tổ chức xếp vật liệu ở ngay tại kho bãi chân công trình, vật tư mua về có thể được xuất dùng ngay phục vụ thi công.

Là loại chi phí trực tiếp nên chi phí nguyên vật liệu của công trình nào được hạch toán trực tiếp vào công trình, hạng mục công trình đó theo giá trị thực tế của vật liệu xuất dùng. Giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, công thức tính như sau:

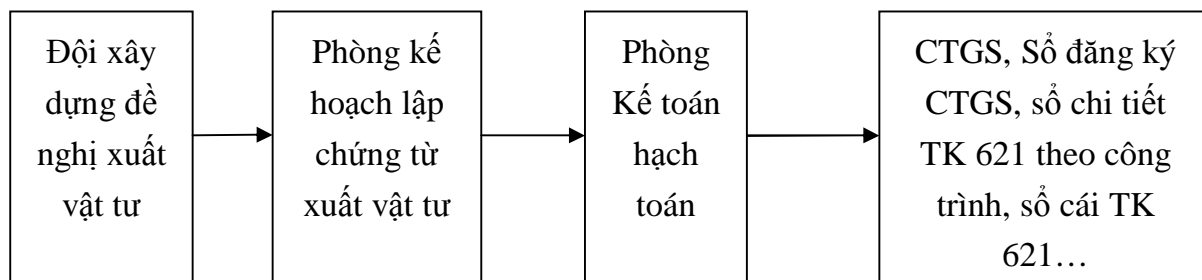
$$\text{Giá bình quân NVL xuất dùng} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn ĐK} + \text{Trị giá NVL nhập T.K}}{\text{SL NVL tồn ĐK} + \text{SL NVL nhập TK}}$$

Căn cứ vào số lượng NVL xuất kho và giá bình quân để xác định trị giá NVL xuất kho như sau:

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Đơn giá bình quân NVL xuất dùng} \times \text{Số lượng xuất kho}$$

Tại Công ty, quy trình hạch toán nguyên vật liệu được thực hiện như sau:

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán CP NVL



(Nguồn: Phòng kế toán tài chính)

- Trong trường hợp vật liệu mua về được xuất dùng ngay phục vụ thi công, quy trình tạm ứng nguyên vật liệu như sau:

Căn cứ vào khối lượng và tiến độ thi công trong tháng, ban chỉ huy công trình lập kế hoạch yêu cầu sử dụng tiến độ cung cấp vật tư trong tháng cùng với giấy đề nghị xuất kho hoặc đề nghị tạm ứng gửi về phòng kế hoạch, trong bản kế hoạch phải ghi rõ: Số lượng, đơn giá, thời gian cần và nơi cung ứng. Phòng kế hoạch có trách nhiệm kiểm tra, ký xác nhận, chuyển tới ban giám đốc ký duyệt, sau đó bộ phận kho tiến hành xuất kho, ban chủ nhiệm công trình nhận nguyên vật liệu thi công. Nếu là giấy đề nghị tạm ứng thì ban chủ nhiệm công trình qua phòng kế toán để lĩnh tiền từ đó đi mua nguyên vật liệu phục vụ thi công. Cuối cùng, các chứng từ được chuyển đến phòng kế toán.

Sau khi nhận được các chứng từ gốc chuyển lên, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi nhập dữ liệu vào máy tính, phần mềm kế toán sẽ xử lý và tự động kết xuất ra sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 621, sổ cái tài khoản 621, bảng tổng hợp chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. **Phụ lục 2.5 và 2.6**

Ví dụ: **Công trình gói 27 san nền Công trình Cam Ranh**

Bảng 2.2: Trích bảng tính nhiên liệu máy và giá trị thi công

Trên địa bàn thành phố Cam Ranh - Khánh hoà

Gói 27- Công trình khu đô thị Cam Ranh

Tên máy	ĐM tiêu hao nhiên liệu (lit/ca)	Đơn giá		Chênh lệch (đ/lít)
		BGCM 12/QĐ-UBND(đ/lít)	Thông báo (đ/lít)	
1. Máy đào	82,62	13.500	20.300	6.800
2. Máy ủi	46,20	13.500	20.300	6.800
3. Dầm bánh hơi	54,60	13.800	21.300	7.500
4. Ôtô tự đổ	56,70	13.800	21.300	7.500

Nguồn: Phòng kế toán tài chính

Theo thông báo của UBND theo quyết định số 12/QĐ-UBND thì giá 1 lít dầu diesel là 13.500đ/lít, nhưng chi phí thực tế phát sinh là 20.300 đ/lít đối với máy ủi và máy đào; giá 1 lít dầu diesel là 13.800đ/lít, nhưng chi phí thực tế phát sinh là 21.300 đ/lít đối với dầm bánh hơi và ô tô. Ta có phép tính sau:

- Cứ 1 lít dầu diesel chênh lệch 6.800đ vậy 100 lít tăng chi phí lên:

$$100 \times 6.800 = 680.000\text{vnd}$$

- Cứ 1 lít dầu diesel chênh lệch 7.500đ vậy 100 lít tăng chi phí lên:

$$100 \times 7.500 = 750.000\text{vnd}$$

Như vậy mỗi tháng số chi phí NVL tăng thêm: $680.000 + 750.000 = 1.430.000\text{vnd}$.

Ta có bảng kê chứng từ gốc nhập vật tư dầu máy để thi công công trình tháng 4/2015 như sau:

Bảng 2.3: BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GỐC

Ngày 30 tháng 4 năm 2015

Số: 30

Chứng từ		Nội dung	Ghi có TK 331	Ghi Nợ các TK khác	
Số	Ngày			133	152
22	01/4/2015	Nhập dầu diesel...	162.036.364		162.036.364
23	06/4/2015	Nhập dầu diesel...	138.854.545		138.854.545
24	10/4/2015	Nhập dầu diesel...	197.454.545		197.454.545
25	13/4/2015	Nhập dầu diesel...	235.854.545		235.854.545
26	22/4/2015	Nhập dầu diesel...	196.545.455		196.545.455
27	25/4/2015	Nhập dầu diesel...	216.200.000		216.200.000
		Tập hợp thuế...	49.834.546	49.834.546	
		Tập hợp thuế...	49.834.546	49.834.546	
				
		Cộng	1.464.816.364	317.870.909	1.146.945.455

Nguồn: Phòng kế toán tài chính

Căn cứ vào bảng tổng hợp, kế toán tiến hành nhập liệu vào máy lên chứng từ ghi sổ số 92(đính kèm) kế toán định khoản:

Nợ TK 152: 1.146.945.455

Nợ TK 133: 317.870.909

Có TK 331: 1.464.4816.364

2.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

a. Nội dung

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản chi phí trực tiếp ở công ty gắn liền với lợi ích người lao động. Việc hạch toán đúng đủ chi phí nhân công có ý nghĩa quan trọng

trong việc trả lương chính xác, kịp thời cho người lao động, từ đó có tác dụng khích lệ người lao động nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.

Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh thực hiện thi công công trình chủ yếu theo hình thức khoán gọn công trình nên việc thuê nhân công sẽ do các chỉ huy Đội thuê về căn cứ vào khối lượng công việc. Việc thuê nhân công tại Đội diễn ra theo 2 hình thức:

- Thuê nhân công theo thời gian: hình thức này chỉ huy trưởng công trường sẽ trực tiếp ký hợp đồng với người lao động và công việc của người lao động được theo dõi hằng ngày, chấm công qua bảng chấm công

- Hình thức chế độ khoán công việc: được sự uỷ quyền của Tổng giám đốc công ty, chỉ huy trưởng công trình tiến hành ký kết hợp đồng giao khoán với chủ thầu. Khi công việc hoàn thành, cán bộ kỹ thuật tiến hành nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

b. Chứng từ và tài khoản

- Chứng từ sử dụng :

+ Trả lương theo thời gian: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, Bảng kê trích nộp các khoản theo lương. Căn cứ lập bảng lương là bảng chấm công và định mức lương phê duyệt.

$$\text{Lương thời gian} = \text{Tiền lương cơ bản bình quân ngày} \times \text{Số ngày làm việc trong tháng}$$

$$\text{Tiền lương cơ bản bình quân ngày} = \frac{\text{Mức lương cơ bản} \times \text{hệ số lương}}{\text{Số ngày công trong tháng (26 ngày)}}$$

+ Trả tiền công theo chế độ khoán công việc: Hợp đồng thuê khoán (giá trị HĐ thuê khoán phải tuân thủ định mức của công ty phê duyệt) biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, bảng lương, bảng chấm công hoặc hoá đơn.

$$\text{Lương trả theo khối lượng công việc} = \text{Khối lượng công việc hoàn thành bàn giao} \times \text{Đơn giá tiền lương}$$

Đối với các khoản trích theo lương, Công ty tiến hành trích BHXH, BHYT, KPCĐ và BHTN theo quy định hiện hành là 34,5% trong đó trích 24% trên tổng số tiền lương cơ bản của cán bộ công nhân viên vào chi phí sản xuất kinh doanh (18% cho BHXH, 3% cho BHYT, 2% cho KPCĐ và 1% cho BHTN), còn 10,5% được trừ vào lương của người lao động (8% cho BHXH, 1,5% cho BHYT và 1% cho BHTN). Các khoản trích theo lương tính vào chi phí sản xuất chung.

Với các cán bộ công nhân viên ký hợp đồng ngắn hạn và không thời hạn, công ty có trách nhiệm đóng bảo hiểm theo chế độ Nhà nước quy định, công ty luôn đảm bảo công việc cho số lượng lao động này, còn lao động thời vụ thì công ty không có nghĩa vụ đóng bảo hiểm, khi ký kết hợp đồng lao động thời vụ hai bên đã thỏa thuận về việc này, công việc hoàn thành, hai bên cùng nhau thanh lý hợp đồng. Với hình thức này, đơn vị đã khuyến khích được người lao động hăng say lao động, thúc đẩy sản xuất và đảm bảo về mặt thời gian tiến độ công trình, mặt khác tiết kiệm được chi phí nhân công do không chịu sức ép về lương khi tạm thời nhàn rỗi.

- Tài khoản: Kế toán sử dụng TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp” được mở chi tiết cho từng hạng mục công trình.

c. Trình tự hạch toán

Hàng tháng đội trưởng đội thi công tiến hành theo dõi tình hình lao động của công nhân trong đội để chấm công cho công nhân. Sau khi chấm công, đội trưởng đội thi công sẽ gửi bảng chấm công và hợp đồng làm khoán cho kế toán đội để kế toán tiến hành tính lương..

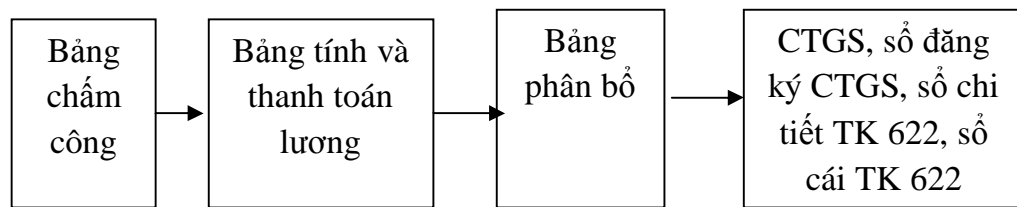
- *Đối với các công nhân thuê ngoài:* khi thuê lao động thì chủ nhiệm công trình và người được thuê cùng nhau ký hợp đồng thuê nhân công, hai bên sẽ thỏa thuận những công việc cụ thể và đơn giá khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu sau đó tiến hành lập bảng tính giá giao khoán để làm căn cứ trả lương cho công nhân vào cuối tháng hay vào thời điểm khối lượng công việc giao khoán hoàn thành. Khi công việc hoàn thành, chủ nhiệm đội công trình tiến hành lập biên bản xác nhận khối lượng công việc hoàn thành.

- Đối với công nhân trong biên chế của công ty: thì tiền lương được tính theo lương thời gian. Chủ nhiệm công trình chịu trách nhiệm quản lý ngày công làm việc, chất lượng công việc hoàn thành và phản ánh vào bảng chấm công

Cuối tháng đội trưởng đưa bảng chấm công cho kế toán đội tính lương tháng từng lao động rồi kế toán đội lập bảng thanh toán tiền lương cho công nhân, sau đó gửi lên phòng tài chính kế toán của công ty. Kế toán công ty sau khi xem xét và sẽ tạm ứng cho đội trưởng tiền để thanh toán lương cho công nhân. Khi nhận lương công nhân sẽ phải ký nhận vào bảng lương đó rồi kế toán đội sẽ lên công ty để hoàn ứng. Cuối tháng lên Sổ chi tiết TK 622, sổ cái TK 622. **Phụ lục 2.7 và 2.8**

Quy trình này được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ số 2.6: Quy trình hạch toán CP NCTT



(Nguồn: Phòng kế toán tài chính)

Ví dụ: Công trình gói 27 san nền Công trình Cam Ranh

Ta có bảng kê chứng từ gốc tập hợp lương và trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN kèm theo Bảng chấm công và Bảng thanh toán lương tháng 4/2015 kế toán lên chứng từ ghi sổ:

a) Nợ TK 622: 151.125.000

Có TK 334: 151.125.000

b) Nợ TK 334: 2.487.907

Nợ TK 627: 6.330.813

Có TK 338: 8.818.720

Căn cứ vào hợp đồng lao động và khối lượng công việc nhận khoán, tổ tự tổ chức thi công dưới sự giám sát của nhân viên kỹ thuật đội. Tổ trưởng thực hiện chấm công cho các thành viên trong tổ thông qua Bảng chấm công:

Công ty TNHH xây dựng Bình Minh

Hạng mục: Nạo vét kênh- công trình Cam Rang

Đội XD: số 3

BẢNG 2.4: BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 4 năm 2015

ST T	Họ và tên	Chức vụ	1	2	3	Tổng số công	Ghi chú
			16	17	18	...	30		
1	Nguyễn Trọng Hà		x	X	x	...	x	30	
2	Lê Văn Bông		x	x	x	...	x	30	
3	Trần Trung Kiên		x	x	x		x	30	
4	Tạ Bình		x	x	x			30	
...									

Người duyệt

(Ký tên)

Khi khối lượng công việc hoàn thành, đội trưởng đội xây dựng công trình tiến hành nghiệm thu, lập Biên bản thanh quyết toán hợp đồng trong đó xác nhận khối lượng và chất lượng công việc hoàn thành và thanh toán cho các tổ theo số tiền đã thoả thuận trong hợp đồng lao động.

Công ty TNHH xây dựng Bình Minh

Đội XD số 3

BẢNG 2.5: BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THUÊ NGOÀI

Công trình Cam Rang

Tháng 4/2015.

STT	Tên	Tổng cộng làm việc	Đơn giá	Thành tiền	Ký nhận
1	Nguyễn Trọng Hà	30	25.000	775.000	
2	Lê Văn Bông	30	25.000	775.000	
3	Trần Trung Kiên	30	25.000	775.000	
4	Tạ Bình	30	25.000	750.000	
...	
	Tổng cộng			97.503.211	

***Đối với lao động trong biên chế:** Tham gia công trình khu đô thị Cam Ranh

(tất cả thuộc đội XD số 3 do Nguyễn Văn Hải làm đội trưởng), trong đó có 11 công nhân kỹ thuật, 15 công nhân phổ thông.

Hàng tháng, đội trưởng sẽ lập hợp đồng giao cho từng tổ. Trong hợp đồng có chi tiết khối lượng công việc, thời gian hoàn thành, đơn giá và số tiền được thanh toán. Trong quá trình thực hiện, đội trưởng sẽ theo dõi và chấm công cho từng lao động theo Bảng chấm công. Cuối tháng, căn cứ vào Bảng chấm công và khối lượng giao khoán hoàn thành, kế toán công ty lập Bảng thanh toán lương phải trả cho người lao động:

Trong đó chỉ tiêu tổng tiền lương của cả đội được xác định dựa trên hai tiêu chí:

- Khối lượng công việc giao khoán hoàn thành.
- Đơn giá tiền lương được duyệt.

Trên cơ sở các bảng thanh toán lương này, kế toán phụ trách chi phí- giá thành sẽ tập hợp chi phí nhân công trực tiếp cho từng đối tượng trong kì hạch toán.

2.2.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

a. Nội dung

Toàn bộ máy móc thi công được công ty giao cho đội máy thi công cơ giới thuộc phòng Kỹ thuật - Vật tư quản lý và sử dụng theo yêu cầu của từng công trình. Chi phí sử dụng máy thi công được hạch toán vào TK 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”.

Hiện nay công ty TNHH Xây dựng Bình Minh thi công công trình đã ứng dụng nhiều thành tựu công nghệ thi công tiên tiến và sử dụng nhiều máy móc thiết bị hiện đại để rút ngắn thời gian thi công, nâng cao chất lượng, tuổi thọ công trình. Các thiết bị thi công chủ yếu: máy vận thăng các loại, máy khoan cọc nhồi, máy trộn bê tông, máy ép cọc, xe bơm bê tông, máy san gạt, máy trộn bê tông,... Trường hợp các công trình ở xa có thể thuê máy thi công bên ngoài. Khoản mục máy thi công chiếm tỷ lệ từ 15% đến 25% trong giá thành công trình.

Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm:

- Chi phí nhân công điều khiển máy thi công: bao gồm lương và phụ cấp lương. Căn cứ vào “nhập trình máy” để chấm công cho công nhân điều khiển máy, cách tính lương tương tự như đối với công nhân trực tiếp trong biên chế công ty

- Chi phí nhiên liệu phục vụ máy thi công: xăng, dầu, phụ tùng thay thế được theo dõi và tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình

- Chi phí khấu hao sử dụng máy thi công: căn cứ vào “nhập trình máy” tính ra chi phí khấu hao máy cho từng công trình

- Chi phí bằng tiền khác: thanh toán tiền vận chuyển máy thi công, chi sửa chữa nhỏ máy thi công...

Trường hợp thuê máy thi công thì chứng từ sử dụng là các hợp đồng thuê máy móc, thiết bị thi công, biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành, hoá đơn tài chính, thanh lý hợp đồng.

b. Phương pháp hạch toán:

- Trường hợp thuê ngoài máy thi công

Khi đó các bên lập hợp đồng thuê máy trong đó quy định rõ khối lượng công việc phải làm, thời gian và số tiền mà công ty phải trả bên cho thuê máy thi công. Sau khi ký hợp đồng thuê máy, máy được đưa vào sử dụng. Hàng ngày thợ lái máy ghi Nhật trình xe máy hoạt động.

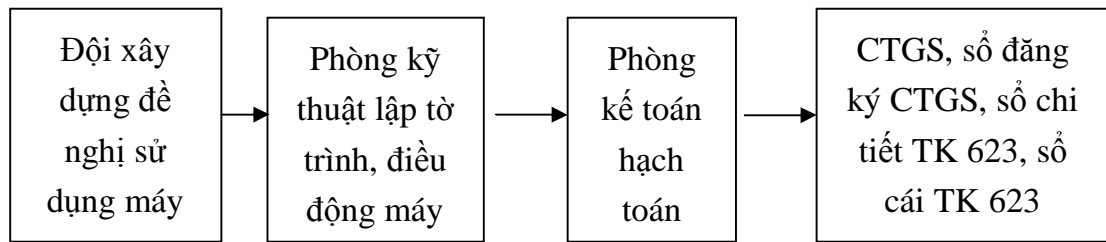
Cuối tháng đại diện chủ phương tiện cùng đội công trình họp để cùng xác định số giờ máy chạy. Biên bản xác nhận này cùng với đơn giá thuê máy trong hợp đồng ban đầu là căn cứ để hai bên tính ra chi phí thuê máy phải trả.

- Trường hợp máy thi công của công ty

Công ty giao cho một đội quản lý toàn bộ xe, máy thi công của công ty. Tất cả các xe, máy của công ty được đặt dưới sự kiểm soát của phòng kỹ thuật. Khi có nhu cầu sử dụng máy thi công, các đội đều phải báo cáo với công ty và viết giấy đề nghị điều động máy thi công gửi về công ty.

Trong kế hoạch có ghi đầy đủ số lượng máy và thời gian cụ thể sử dụng máy. Phòng kỹ thuật sẽ tiếp nhận và xem xét các loại máy mà đội yêu cầu, sau đó phòng kỹ thuật sẽ lập tờ trình lên Ban giám đốc công ty xem xét và ra lệnh điều động xe, máy thi công. Quy trình này được khái quát như sau:

Sơ đồ số 2.7: Quy trình hạch toán CP MTC



(Nguồn: Phòng kế toán tài)

Việc hạch toán chi phí sử dụng máy thi công được hạch toán chi tiết thông qua các mục sau:

+ *Chi phí nhân công điều khiển máy thi công*: chi phí nhân công điều khiển máy thi công được hạch toán trên tài khoản 6231. Căn cứ để trả lương cho công nhân vận hành máy là các lệnh điều động xe, máy thi công, các bảng nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, Bảng chấm công. Định kỳ, kế toán đội tính lương và lên bảng thanh toán lương theo từng đội và theo từng công trình sau đó chuyển các chứng từ này về phòng kế toán công ty. Dựa trên các chứng từ hợp lệ, kế toán tiền lương làm các thủ tục tạm ứng hoặc thanh toán lương cho công nhân lái xe, máy thiết bị.

Việc hạch toán giống như chi phí NCTT. Tiền lương của công nhân điều khiển máy thi công được tính theo lương thời gian và căn cứ vào số ca máy thực hiện được và đơn giá một ca máy. Công thức tính như sau:

$$\text{Lương trả cho công nhân điều khiển máy thi công} = \frac{\text{Số ca máy làm việc}}{\text{việc}} \times \text{Đơn giá tiền công một ca máy}$$

+ *Chi phí nguyên nhiên vật liệu phục vụ máy thi công (tài khoản 6232)*: Quá trình vận hành xe, máy đòi hỏi phải có nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho máy thi công. Việc theo dõi các nhu cầu về sử dụng nguyên, nhiên vật liệu cho máy sẽ do lái máy hoặc máy trưởng đảm nhiệm. Khi phát sinh nhu cầu này thì lái máy hoặc máy trưởng sẽ đề nghị đội cung ứng hoặc đề nghị đội xin tạm ứng tiền để đi mua. Quá trình cung ứng này tương tự như quá trình cung ứng nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng cho thi công.

+ *Chi phí công cụ, dụng cụ (tài khoản 6233)*: Cuối tháng kế toán tập hợp chi phí công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế phục vụ cho máy thi công, sau đó tiến hành phân bổ cho từng công trình theo chi phí nhân công trực tiếp

+ *Chi phí khấu hao máy thi công (tài khoản 6234)*: Chi phí khấu hao máy thi công phục vụ cho công trình nào thì được tính trực tiếp vào công trình đó dựa theo kế hoạch điều động máy thi công của các đội. Hàng tháng kế toán TSCĐ sẽ tính ra mức khấu hao máy thi công theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao được tính theo mức thời gian sử dụng của từng loại máy. Việc xác định mức khấu hao cố định theo từng tháng cho từng loại hoặc theo từng đối tượng, sau đó kế toán tập hợp khấu hao theo đơn vị sử dụng và số khấu hao toàn công ty.

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền (tài khoản 6237, 6238)*: Đây là các khoản chi phí phát sinh liên quan tới các khoản sửa chữa, bảo dưỡng máy thi công và các chi phí về điện, nước... Hàng ngày các chứng từ liên quan đến các khoản này được tập hợp lại, cuối tháng kế toán đội tiến hành lập Bảng kê chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho chạy máy thi công.

Định kỳ kế toán đội tập hợp tất cả các chứng từ có liên quan như hóa đơn GTGT, các bảng kê, hợp đồng thuê máy móc thiết bị... để kế toán Công ty tiến hành lập Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công cho từng công trình.

Sau đó kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào máy tính, phần mềm kế toán sẽ xử lý và tự động kết xuất ra sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 623, sổ cái tài khoản 623 và bảng tổng hợp chi tiết chi phí sử dụng máy thi công. **Phụ lục 2.9 và 2.10**

Ví dụ: Công trình gói 27 san nền Công trình Cam Ranh

Ta có bảng tổng hợp chứng từ gốc xuất vật liệu thi công máy tháng 4/2015 như sau:

BẢNG 2.6: BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GỐC

Ngày 30 tháng 4 năm 2015

Số: 31

Chứng từ		Nội dung	Ghi có TK 152	Ghi Nợ các TK khác	
Số	Ngày			242	623
33	02/4/2015	Xuất dầu diesel...	79.120.000		79.120.000
34	04/4/2015	Xuất dầu diesel...	89.010.000		89.010.000
35	06/4/2015	Xuất dầu diesel...	79.120.000		79.120.000
36	09/4/2015	Xuất dầu diesel...	79.120.000		79.120.000
	15/4/2015	Xuất dầu diesel...	69.230.000		69.230.000
	17/4/2013	Xuất dầu diesel...	79.120.000		79.120.000
	
		Tổng cộng	474.720.000		474.720.000

(Nguồn: Phòng kế toán tài chính)

Căn cứ vào Bảng kê chứng từ gốc, kế toán tiến hành nhập liệu vào máy kèm theo các chứng từ và lên Chứng từ ghi sổ số 94:

Nợ TK 623: 474.720.000

Có TK 152: 474.720.000

2.2.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung*a. Nội dung*

Để tiến hành các hoạt động xây lắp một cách thuận lợi và đạt hiệu quả, ngoài các yếu tố cơ bản trên thực tế đòi hỏi phải tiêu hao những khoản chi phí khác như tiền lương, các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý Đội, công cụ lao động, các khoản chi phục vụ cho bộ máy quản lý đội. Những khoản chi phí này tuy không trực tiếp tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp nhưng lại có vai trò khác rất quan trọng là giúp cho hoạt động sản xuất diễn ra nhịp nhàng, đều đặn đó chính là chi phí sản xuất chung.

b. Chứng từ, tài khoản

- Các chứng từ gốc phát sinh liên quan như Hoá đơn GTGT, hoá đơn mua hàng, bảng thanh toán lương, bảng chi tiết khấu hao máy....để lên sổ chi tiết.

- Để tập hợp chi phí sản xuất chung công ty sử dụng TK 627 “Chi phí sản xuất chung”

c. Phương pháp hạch toán

- *Tiền lương của bộ phận quản lý:*

Hàng tháng kế toán dưới đội dựa trên bảng chấm công, bảng chấm cơm lập bảng thanh toán lương gửi lên kế toán công ty. Cách tính lương của bộ phận quản lý như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng} & & \text{Lương cơ} & & \text{Tiền} & & \text{Các khoản phụ} \\ \text{lương} & = & \text{bản} & + & \text{ăn ca} & + & \text{cấp} \end{array}$$

- *Các khoản trích theo lương:*

+ Đối với nhân công trực tiếp sản xuất, nhân công sử dụng máy thi công, nhân viên quản lý trực tiếp, kế toán công ty tiến hành trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tỷ lệ quy định

+ Đối với lao động thuê ngoài thời vụ không phải trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN vào chi phí sản xuất chung mà được tính trong đơn giá nhân công thuê ngoài

- *Hạch toán khấu hao TSCĐ:*

Cũng giống như hạch toán chi phí khấu hao máy thi công, Công ty sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng để trích trích khấu hao cho các TSCĐ phục vụ quá trình sản xuất chung của đội thi công, dựa vào nguyên giá và tỷ lệ khấu hao hàng năm từ đó tính ra tỷ lệ khấu hao, mức khấu hao từng tháng để tính vào chi phí sản xuất chung. Để hạch toán chi phí này kế toán sử dụng tài khoản 6274.

- *Hạch toán chi phí dịch vụ mua ngoài:*

Chi phí này gồm nhiều loại như: chi phí điện nước, chi phí phục vụ sản xuất, chi phí vận chuyển vật liệu, ...Chi phí thuê mua cho công trình nào thì hạch toán vào chi phí sản xuất chung công trình đó. Khi phát sinh các chi phí dịch vụ mua ngoài, kế toán

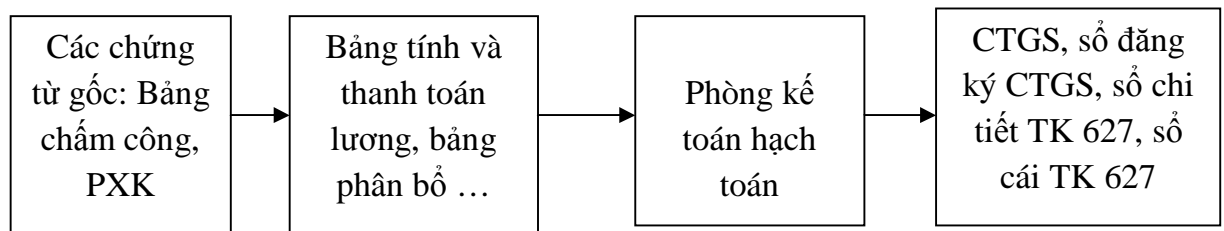
đội công trình sẽ tập hợp các hóa đơn chứng từ có liên quan để lập Bảng kê chi phí dịch vụ mua ngoài. Các khoản chi phí này được theo dõi qua tài khoản 6277

- *Hạch toán chi phí bằng tiền khác:*

Chi phí này gồm có: Chi phí giao dịch, tiếp khách, in ấn, vé tàu xe, văn phòng phẩm... Chi phí phát sinh thuộc công trình nào thì tính vào công trình đó. Chi phí này được theo dõi trên tài khoản 6278, cách xử lý và hạch toán tương tự như các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài.

- Cuối tháng kế toán công trường lập bảng thanh toán lương kèm theo các chứng từ gốc có liên quan gửi lên kế toán công ty lập chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và lên sổ chi tiết TK 627, sổ cái TK 627. **Phụ lục 2.11 và 2.12.** Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ số 2.8: Quy trình hạch toán chi phí sản xuất chung



(Nguồn: Phòng kế toán tài chính)

Ví dụ: Công trình gói 27 san nền Công trình Cam Ranh

BẢNG 2.7: BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GỐC

Ngày 30 tháng 4 năm 2015

Số: 39

Chứng từ		Nội dung	Ghi có TK 334	Ghi Nợ các TK khác	
Số	Ngày			627	
	30/4	Tập hợp lương bộ phận gián tiếp tháng 4/2015	51.125.000	51.125.000	
		Tổng cộng	51.125.000	51.125.000	

Nguồn: Phòng kế toán tài chính

BẢNG 2.8: BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GỐC

Ngày 30 tháng 4 năm 2015

Số: 40

Chứng từ		Nội dung	Ghi có TK 111	Ghi Nợ các TK khác	
Số	Ngày			627	334
14	30/4	Thanh toán chi phí công trường	4.066.000	4.066.000	
15	30/4	Thanh toán tiền ăn cho bộ phận gián tiếp	16.620.000		16.620.000
16	30/4	Thanh toán công tác phí	15.303.570	15.303.570	
		Tổng cộng	35.629.570	19.369.570	16.620.000

Nguồn: Phòng kế toán tài chính

Kế toán tiến hành nhập liệu và lên sổ kế toán có liên quan:

a. Nợ TK 627: 51.125.000

Có TK 334: 51.125.000

b. Nợ TK 627: 19.369.570

Nợ TK 334: 16.620.000

Có TK 111: 35.629.570

BẢNG 2.9: BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GỐC

Ngày 30 tháng 4 năm 2015

Số: 41

Chứng từ		Nội dung	Ghi Nợ TK 154	Ghi Có các TK	
Số	Ngày			623	627
	30/4	Kết chuyển chi phí máy	4.100.810.136	4.100.810.136	
	30/4	Kết chuyển chi phí SXC	227.685.574		227.685.574
		Cộng	4.328.495.710	4.100.810.136	227.685.574

Nguồn: Phòng kế toán

BẢNG 2.10: BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GỐC

Ngày 30 tháng 4 năm 2015

Số: 42

Chứng từ		Nội dung	Ghi Nợ TK 154	Ghi Có các TK	
Số	Ngày			621	622
	30/4	Kết chuyển CP NVLTT	3.816.723.504	3.816.723.504	
	30/4	Kết chuyển chi phí NCTT	443.896.716		443.896.716
		Cộng	4.260.620.219	3.816.723.504	443.896.716

Nguồn: Phòng kế toán tài chính

a. Kết chuyển chi phí phát sinh đến ngày 30 tháng 4 năm 2015:

Nợ TK 154: 4.328.495.710

Có TK 623: 4.100.810.136

Có TK 627: 227.685.574

b. Kết chuyển chi phí phát sinh đến ngày 30 tháng 4 năm 2015:

Nợ TK 154: 4.260.620.219

Có TK 621: 3.816.723.504

Có TK 622: 443.896.716

c. Tổng chi phí phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Nợ TK 154: 21.260.609.319

Có TK 623: 12.456.789.455

Có TK 627: 1.803.819.864

Có TK 621: 1.523.513.523

Có TK 622: 4.476.486.477

Sau khi đã tập hợp cho từng khoản mục chi phí thì chi phí sản xuất được tổng hợp theo từng công trình, hạng mục công trình và cuối kỳ kế toán sẽ kết chuyển để tính giá thành sản phẩm.

Kế toán kết chuyển chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí MTC và chi phí SXC sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Kế toán công ty căn cứ vào các sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản để lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất cho từng công trình. Để tập hợp chi phí sản xuất kế toán sử dụng TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”, tài khoản này phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh chi tiết theo từng công trình. Sau khi kết chuyển toàn bộ chi phí sang TK 154 Kế toán lập Sổ chi tiết TK 154 cho từng công trình để xác định chi phí sản xuất và tính giá thành công trình.

Phụ lục 2.13**2.2.5. Đánh giá sản phẩm dở dang tại công ty**

Do đặc điểm của Công ty xây lắp có khối lượng giá trị lớn, kết cấu phức tạp, thời gian thi công dài. Đồng thời để phù hợp với yêu cầu quản lý, phù hợp với kỳ kế hoạch

nên kỳ tính giá thành của Công ty được xác định là 1 năm, vào thời điểm cuối năm. Sản phẩm dở dang của công ty bao gồm: những công trình, hạng mục công trình hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu và những công trình, hạng mục công trình đang xây dựng dở dang.

Hiện nay công ty đang thực hiện đánh giá sản phẩm làm dở theo 2 hình thức phụ thuộc vào phương thức thanh toán giữa công ty và chủ đầu tư:

- Trường hợp các công trình, hạng mục công trình áp dụng hình thức thanh toán một lần khi công trình hoàn thành thì tổng cộng chi phí sản xuất từ khi thi công đến thời điểm xác định chính là chi phí sản xuất dở dang thực tế. Hình thức này chủ yếu áp dụng đối với những công trình, hạng mục công trình có quy mô vừa và nhỏ

- Đối với những công trình, hạng mục công trình lớn, phức tạp, thực hiện thanh toán theo khối lượng hoặc theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý trên cơ sở xác định được giá dự toán thì chi phí thực tế của khối lượng dở dang cuối kỳ được xác định trên giá dự toán theo công thức sau:

$$\text{Chi phí DDCK} = \frac{\text{Chi phí DD ĐK} + \text{CP SX trong kỳ}}{\text{Giá trị khối lượng XL hoàn thành theo dự toán} + \text{Giá trị khối lượng XL DD theo dự toán}} \times \text{Giá trị KLDDCK theo dự toán}$$

Sau khi Phòng kỹ thuật của công ty đánh giá và xác định được giá trị khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ, các bên sẽ tiến hành lập Biên bản kiểm kê giá trị sản phẩm dở dang.

BẢNG 2.11: BẢN BÁO CÁO GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG - THU VỐN - KHỐI LƯỢNG DỒ DANG DỰ TOÁN

Tháng 12 năm 2015

Dvt: đồng

STT	Công trình	Dự toán khối lượng xây lắp hoàn thành	Dự toán chi phí dở dang cuối kỳ
1	Gói san nền 27 công trình Cam Ranh	28.828.243.148	5.008.102.261

Nguồn: Phòng kế toán tài chính

2.2.6. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp

Tính giá thành sản phẩm là khâu cuối cùng và quan trọng nhất đối với mọi đơn vị sản xuất. Về phương pháp tính giá thành, công ty áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp trực tiếp). Hàng ngày, mỗi chi phí phát sinh ở công trình nào thì hạch toán trực tiếp cho công trình đó. Những chi phí cần phân bổ thì sẽ được tập hợp và phân bổ theo tiêu thức phù hợp đối với mỗi công trình.

Công thức tính giá thành theo phương pháp trực tiếp như sau:

$$Z = D_{dk} + C - D_{ck}$$

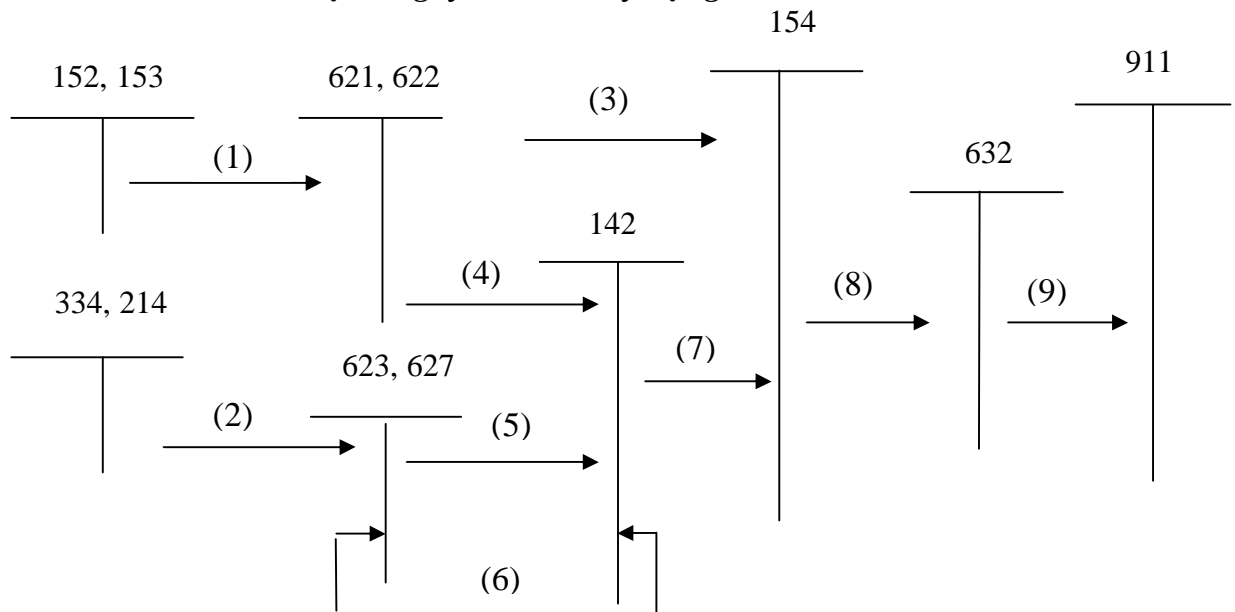
Trong đó: Z: Tổng giá thành sản phẩm xây lắp

C: Tổng chi phí sản xuất đã tập hợp theo đối tượng

D_{dk} , D_{ck} : Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ, cuối kỳ

Do hoạt động xây lắp rất phức tạp, thời gian thi công kéo dài nên công ty đã chọn kỳ tính giá thành là 1 năm. Đến cuối năm kế toán chi phí và giá thành của công ty tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành công trình. Sau khi tính được giá thành sản phẩm xây lắp kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm từng công trình, hạng mục công trình và kết chuyển sang tài khoản 632. Tiếp theo kế toán sẽ tiến hành lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho tất cả các công trình, hạng mục công trình.

Sơ đồ 2.9: Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh



Giải thích sơ đồ:

- 1 : Xuất vật liệu cho thi công
- 2 : Xác định tiền lương cán bộ đội phải trả, trích khấu hao TSCĐ
- 3 : Chi phí NVL, nhân công trong kỳ
- 4 : k/c chi phí NC, NVI chưa chuẩn CP
- 5 : k/c chi phí máy thi công, SXC chưa chuẩn CP
- 6 : Phân bổ Cp chờ kết chuyển
- 7 : Cty chuẩn Cp sản xuất
- 8 : Kết chuyển giá vốn
- 9 : Giá thành sản xuất

Ví dụ: Công trình gói 27 san nền Công trình Cam Ranh có Biên bản bàn Nghiệm thu công trình như sau:

1. Ngày 30 tháng 4 năm 2015 căn cứ các chứng từ có liên quan, công ty tiến hành nghiệm thu giá trị công trình hoàn thành:

Bên A: Công ty TNHH xây dựng Bình Minh
 Ông: Lại Văn Thoan - Phó Giám đốc
 Ông: Phạm Văn Chung

Bên B: Công ty TNHH Thành Nguyên Phát
 Ông: Võ Tấn Linh - Giám đốc

Hai bên cùng ký biên bản nghiệm thu khối lượng sản phẩm hoàn thành tháng 04/2015 là: “Đào xúc đất đê đắp hoặc đổ ra bãi thải + Vận chuyển phạm vi 300, đất cấp II” trong gói thầu 27 San nền công trình Cơ sở hạ tầng KQ-HQ Cam Ranh:

TT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đào xúc đất đê đắp hoặc đổ ra bãi thải + Vận chuyển phạm vi 300m, đất cấp II	m3	16,207	24.500	379.060.000
Cộng tiền hàng					379.060.000
Thuế GTGT					37.906.000
Tổng tiền thanh toán					436.766.000

Đại diện hai bên cùng ký vào Biên bản nghiệm thu công trình về nội dung “Đào xúc đất đê đắp hoặc đổ ra bãi thải + Vận chuyển phạm vi 300, đất cấp II”

2. Ngày 30 tháng 4 năm 2015 căn cứ các chứng từ có liên quan, công ty tiến hành nghiệm thu giá trị công trình hoàn thành:

Bên A: Công ty TNHH xây dựng Bình Minh
Ông: Phạm Văn Minh - Giám đốc

Bên B: Công ty TNHH Thành Nguyên Phát
Ông: Nguyễn Văn Phong - Giám đốc

Hai bên cùng ký biên bản nghiệm thu khối lượng sản phẩm hoàn thành tháng 04/2015 là: “Đào xúc đất đê đắp hoặc đổ ra bãi thải + Vận chuyển phạm vi 700, đất cấp II” và “San dầm đất mặt bằng máy dầm 25T, độ chặt K = 0,90” trong gói thầu 27 San nền công trình Cơ sở hạ tầng KQ-HQ Cam Ranh:

TT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đào xúc đất đê đắp hoặc đổ ra bãi thải + Vận chuyển phạm vi 700m, đất cấp II	m3	88.000	19.000	1.672.000.000
2	San dầm đất mặt bằng máy dầm 25T, độ chặt K =0,90	m3	169.234	5.000	846.168.500
Cộng tiền hàng					2.518.168.500
Thuế GTGT					251.816.850
Tổng tiền thanh toán					2.769.985.350

Đại diện hai bên cùng ký vào **Biên bản nghiệm thu công trình** về nội dung “Đào xúc đất đê đắp hoặc đổ ra bãi thải + Vận chuyển phạm vi 700, đất cấp II” và “San dầm đất mặt bằng máy dầm 25T, độ chặt K = 0,90” trong gói thầu 27 San nền công trình Cơ sở hạ tầng KQ-HQ Cam Ranh.

2.3. Thực trạng tổ chức sử dụng thông tin về chi phí sản xuất và thành sản phẩm xây lắp phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp

Trong công tác kế toán quản trị chi phí, giá thành muốn kiểm soát được chi phí, giá thành được chặt chẽ và hiệu quả kế toán cần làm tốt các khâu quản trị chi phí giá thành. Trong đó khâu đầu tiên và quan trọng nhất là lập dự toán chi phí. Công ty TNHH

xây dựng Bình Minh thực hiện lập dự toán chi phí giá thành công trình cao tốc. Từ những căn cứ về giá vật tư, phòng kế hoạch lập bảng chi tiết dự toán giá thành.

2.3.1. Dự toán chi phí sản xuất

Căn cứ vào bản vẽ thi công và khối lượng thầu công trình, nhân viên phòng Kế hoạch - thị trường của công ty tiến hành bóc tách khối lượng lập dự toán thi công:

Hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm dự toán xây dựng G8 trên excel để xây dựng định mức và dự toán cho các công trình, hạng mục công trình. Nhân viên phòng kế hoạch - thị trường sau khi nghiên cứu bản vẽ công trình được cung cấp sẽ bóc tách khối lượng để lập dự toán chi tiết cho từng hạng mục xây dựng, các bước lập dự toán tiến hành như sau:

- B1: Rà soát lại toàn bộ kích thước, số lượng bản vẽ và kết cấu
- B2: Hình thành các công tác cần triển khai lập dự toán
- B3: Tạo mới công trình
- B4: Chọn định mức đơn giá và các điều kiện làm việc
- B5: Nhập công tác và khối lượng
- B6: Điều chỉnh phân tích vật tư, nhân công, ca máy
- B7: Nhập đơn giá
- B8: Tính cước phí vận chuyển (nếu có)
- B9: Nhập các hệ số điều chỉnh vào bảng tổng hợp
- B10: Kiểm tra lại toàn bộ công tác, khối lượng có phù hợp với bản vẽ thiết kế
- B11: Xuất sang excel chỉnh sửa in ấn

Trong đó:

- Giá trị dự toán XL (sau thuế) = Giá trị dự toán XL (trước thuế) + thuế VAT
- Giá trị dự toán XL (trước thuế) = chi phí trực tiếp + chi phí chung + thu nhập chịu thuế tính trước
 - Chi phí trực tiếp = chi phí vật liệu + chi phí nhân công + chi phí máy thi công:
 - Chi phí nhân công: gồm tiền lương và các khoản phụ cấp
 - Chi phí vật liệu: đơn giá tính theo mức do liên Sở xây dựng và tài chính vật giá ban hành
 - Chi phí máy thi công: tính theo bảng dự toán ca máy và thiết bị xây dựng ban hành theo quyết định của Bộ Xây dựng
 - Chi phí chung: tính bằng tỉ lệ % so với chi phí nhân công trong dự toán XL

Dưới đây là bảng tổng hợp dự toán công trình Khu đô thị Cam Ranh gói san nền 27- Giai đoạn 1. Công trình này tiến hành thi công từ tháng 3/2014 và dự kiến hoàn thành vào tháng 3/2017.

BẢNG 2.12: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN GIÁ THÀNH CÔNG TRÌNH

Công trình Khu đô thị Cam Ranh – Gói san nền 27- Giai đoạn 1

1	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đồng)
1	Chi phí vật liệu đơn giá	VLđg	Bảng dự toán	2.523.513.523
2	Chi phí nhân công đ.giá	NCđg		4.476.486.477
3	Chi phí máy thi công đ.giá	MTCđg		12.456.789.455
I	Chi phí trực tiếp			19.456.789.455
1	Chi phí vật liệu	VL	VLđg	2.523.513.523
2	Chi phí nhân công	NC	NCđg	4.476.486.477
3	Chi phí máy thi công	M	MTCđg	12.456.789.455
4	Trực tiếp phí khác	TT	$(VL+NC+M) \times 1,5\%$	291.851.841,8
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL+NC+M+TT	19.748.641.297
II	Chi phí chung	C	$T \times 6\% \times 1,05$	1.803.819.864
	Giá thành dự toán	Z	T+C	28.828.243.148
III	Thu nhập chịu thuế	TL	$Z \times 5,5\%$	1.585.553.373
I V	Giá trị XD dự toán tr. thuế	Gxl	Z+TL	30.413.796.521
V	Thuế GTGT đầu ra	VAT	$Gxl \times 10\%$	3.041.379.652
V I	Giá trị dự toán XD sau thuế	Gxd	Gxl +VAT	33.455.176.174
	Tổng			33.455.176.174

(Nguồn: Phòng kế toán tài chính)

2.3.2. Báo cáo chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Công ty lập báo cáo hàng quý và hàng tháng cho ban quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình và tiến độ thi công của công trình. Trên báo cáo kế toán đội thi công lập để gửi về công ty chỉ bao gồm những nội dung chính và cơ bản nhất của công trình. Những chỉ tiêu chi tiết của công trình căn cứ vào dự toán đã lập từ trước về chi phí vật tư, chi phí nhân công và ca máy thi công. Tại các đội thi công tiến hành thuê máy thi công và Đội trưởng trực tiếp thuê nhân công điều khiển máy. Dưới đây là Báo cáo chi phí xây lắp quý IV năm 2015 cả công trình khu đô thị Cam Ranh.

BẢNG 2.13: BÁO CÁO XÂY LẬP THỰC HIỆN TRONG KỲ**Công trình Khu đô thị Cam Ranh**

Công trình, hạng mục: San nền 27- Giai đoạn 1

Đội thi công: Số 3

Quý IV năm 2015

TT	Tên công việc	Tháng báo cáo (tháng 12/2015)			Luỹ kế từ khi khởi công		
		Dự toán	Thực tế	Chênh lệch	Dự toán	Thực tế	Chênh lệch
1	Chi phí NVLTT	235.100.200	235.135.254	35.054	2.522.512.500	2.523.513.523	1.001.023
2	Chi phí NCTT	154.600.245	154.684.247	84.002	4.476.188.477	4.476.486.477	298.000
3	Chi phí SDMTC	120.900.900	120.991.920	91.020	12.454.567.455	12.456.789.455	2.222.000
4	Chi phí SXC	8.540.200	8.541.221	1.021	1.803.456.864	1.803.819.864	363.000
5	Trực tiếp phí khác	4.510.235	4.512.237	2.002	291.650.185,00	291.851.841,80	201.657
	Cộng	523.651.780	523.864.879	213.099	21.548.375.481	21.552.461.161	4.085.680

(Nguồn: Phòng kế toán tài chính)

2.4. Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh

2.4.1. Những mặt đạt được trong công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm của công ty

- *Bộ máy kế toán*: Hiện nay, công ty có bộ máy kế toán được xây dựng phù hợp với các quy định chung của Nhà nước, các bộ phận nghiệp vụ của kế toán tài chính đã phần nào đáp ứng được nhu cầu về thông tin của cơ quan quản lý và nhà quản trị. Mặc dù vậy, bộ máy kế toán mới chỉ dừng lại ở mức độ hoàn thành việc cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý Nhà nước, mà cụ thể là các báo cáo phục vụ cơ quan thuế là chính. Trong khi, nhu cầu về thông tin kế toán quản trị của công ty cần cung cấp cho Giám đốc và những người ra quyết định là rất lớn nhưng chưa đáp ứng được nhiều.

- *Tổ chức nhân sự*: những người đứng đầu làm công tác kế toán đều có khái niệm và nhận thức về tầm quan trọng của thông tin kế toán quản trị, tuy nhiên, các nhân viên trong phòng kế toán thì phần lớn chưa coi vai trò của kế toán quản trị là quan trọng. Vì những lý do như vậy mà công ty tuy tổ chức phân hành cho kế toán quản trị nhưng chưa thực sự phát huy hết vai trò của kế toán quản trị.

- *Về công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm*:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: nguyên vật liệu được tổ chức hợp lý và cung ứng kịp thời đến các công trình. Việc mua vật tư dựa trên tiến độ thi công công trình và mức dự toán. Một số vật liệu được chuyển thẳng đến chân công trình mà không qua kho đảm bảo tính kịp thời cho tiến độ công trình.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: tại công trường kế toán theo dõi và chăm công chặt chẽ. Việc áp dụng tiền lương theo thời gian với lao động gián tiếp và tiền lương theo sản phẩm đối với lao động trực tiếp đã quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động. Công ty luôn trích các khoản trích theo lương về BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo đúng chế độ và quy định.

+ Chi phí sản xuất chung: những chi phí phát sinh tại mỗi công trình đều được tập hợp và kết chuyển chi phí hợp lý.

- *Thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán quản trị:* công ty đã tiến hành tổ chức kế toán chi phí một cách chi tiết, các chi phí được phân chia một cách cụ thể theo từng khoản mục... nhưng việc phân chia này chưa theo một quy trình xử lý, phân tích và cung cấp thông tin ra quyết định một cách khoa học mà chủ yếu mang tính tự phát.

2.4.2. Những mặt hạn chế còn tồn tại trong công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm của công ty

- *Bộ máy kế toán:* Tổ chức bộ máy kế toán trong công ty được tổ chức theo mô hình của kế toán tài chính nên các công việc, nhiệm vụ của nhân viên kế toán chỉ nược xây dựng để cung cấp thông tin kế toán tài chính.

- *Về hình thức kế toán tại công ty:* có một số công trình ở địa bàn xa xôi, địa điểm khó đi lại như công trình Gói 9 – Cao tốc Nội Bài – Lào Cai, việc đi lại hết sức khó khăn nên việc hạch toán các chi phí khá khó khăn, các nhân viên kế toán hàng quý phải lên công trường để giám sát và cập nhật chứng từ hoặc nhận được fax của công trường để hạch toán chi phí và tính giá thành công trình.

- *Về hệ thống tài khoản, chứng từ:* nhiều chứng từ liên quan kèm theo với từng công trình, hạng mục khiến hệ thống chứng từ công kênh và khó kiểm soát. Công ty không mã hoá từng hạng mục, công trình mà để cả tên công trình nên khi đưa lên phần mềm dự toán để xuất sang word hoặc excel để tắt toán gặp nhiều khó khăn và mất thời gian.

- *Về các khoản mục chi phí chính:*

+ *Chi phí nguyên vật liệu:* nguyên vật liệu mua về thường được xuất dùng ngay cho công trình chứ không nhập kho nên việc làm thủ tục nhập kho để theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của NVL không được theo sát. Cuối kỳ chủ nhiệm công trình mới chuyển hoá đơn chứng từ về cho kế toán công ty, kế toán chỉ ghi nhận được chi phí phát sinh trong kỳ chứ không giám sát thực tế số lượng phát sinh bao nhiêu.

+ *Chi phí nhân công:* Công ty không thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân mà chỉ khi phát sinh mới hạch toán vào chi phí NCTT, vì vậy

khi khoản chi phí này phát sinh làm cho việc tính giá thành gặp khó khăn. Đối với phần chênh lệch tăng giá nhân công do tăng hệ số điều chỉnh, kế toán công trường phải có bản giải trình với chủ đầu tư để làm hồ sơ điều chỉnh đơn giá. Đối với phần chênh lệch tăng do thực tế công trường trả cho nhân công cao hơn so với đơn giá quy định sẽ không được chủ đầu tư ền bù giá nên công trường phải gánh phần chi phí này nên thực tế lợi nhuận công trình bị giảm đi.

+ *Chi phí sử dụng máy thi công*: chi phí khấu hao máy thi công được hạch toán vào chi phí SXC nên việc phản ánh khoản mục chi phí này không được chính xác. Ngoài ra công ty không trích trước chi phí sửa chữa máy mà khi phát sinh mới hạch toán vào chi phí máy thi công.

+ *Chi phí sản xuất chung*: việc phân bổ chi phí ở một số công trình không chính xác, công ty chưa kiểm soát chặt chẽ chi phí SXC, các chi phí khác bằng tiền thường phát sinh cao nên việc phản ánh chi phí SXC chưa đúng với thực tế.

- *Vai trò của kế toán quản trị trong việc ra các quyết định*: Thông thường, hoạt động quản trị doanh nghiệp thường phải đối mặt với những vấn đề lựa chọn các phương án đầu tư trong các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn, một trong những đặc điểm quan trọng của thông tin kế toán quản trị là cung cấp kèm theo nhiều phương án lựa chọn để nhà quản trị ra quyết định dựa trên các nội dung khác.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2, tác giả chủ yếu phản ánh thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh và đưa ra những đánh giá chung về ưu điểm và hạn chế của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty. Đây là những cơ sở thực tiễn giúp cho việc đưa ra một số đề xuất về một số giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh sẽ được đề cập ở chương 3.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẬP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH

3.1. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Xây dựng Bình Minh

3.1.1. Về trình tự luân chuyển chứng từ, tập hợp chứng từ lên sổ kế toán

3.1.1.1. Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất

a. Hoàn thiện hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, lượng chi phí vật liệu đòi hỏi rất lớn nếu không xây dựng hệ thống kho bãi ngay tại chân công trình sẽ tốn rất nhiều chi phí vận chuyển, chi phí bảo quản khi đang vận chuyển... Công ty không mở kho vật tư riêng mà chuyển thẳng vật tư từ nơi thu mua đến chân công trình. Tuy nhiên nhân viên kế toán thống kê tổ đội công trình vẫn mở phiếu nhập kho, phiếu xuất kho trong quá trình giao nhận vật tư.

Kế toán phải hạch toán nguyên vật liệu nhập xuất trên tài khoản 152, thủ tục này khá phức tạp về hình thức và mất thời gian. Để khắc phục tình trạng này công ty có thể tiến hành hạch toán chi phí nguyên vật liệu ngay khi nguyên vật liệu được giao tới chân công trình và hạch toán luôn vào tài khoản 621. Hơn nữa công ty nên lập Biên bản giao nhận vật tư giữa người mua và người bán, việc làm này vừa đảm bảo đầy đủ thông tin về vật tư vừa giúp cho kế toán đội thuận tiện trong công tác vào bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Biên bản giao nhận vật tư có mẫu như sau :

BẢNG 3.1:

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Ngày ... tháng ... năm

Tại công trình :.....

Thành phần gồm :

Đại diện bên cung ứng : Ông (Bà):Địa chỉ:.....

Đại diện bên nhận vật tư : Ông (Bà):Địa chỉ:.....

Tiến hành bàn giao số lượng vật tư như sau :

TT	Tên vật tư hàng hóa	VT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Tiền hàng					
	Tiền thuế GTGT					
	Tổng giá thanh toán					

Ngoài ra, hiện nay ở công ty sau mỗi lần công trình bàn giao, phế liệu thu hồi còn chưa làm các thủ tục nhập kho, chưa phản ánh đầy đủ trên sổ sách. Điều này dẫn đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tăng lên so với thực tế từ đó giá thành của công trình sẽ cao hơn thực tế. Vì vậy công ty cần hạch toán phế liệu thu hồi để phản ánh chính xác chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo bút toán sau:

Nợ TK 152, 111...: Giá trị phế liệu thu hồi

Có TK 621: Chi phí NVL trực tiếp

Trường hợp thu hồi phế liệu sau khi đã tổng hợp các khoản mục chi phí kế toán ghi bút toán:

Nợ TK 152, 111...: Giá trị phế liệu thu hồi

Có TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

b. Hoàn thiện hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Ở các đội xây lắp, lực lượng công nhân hầu hết là lao động hợp đồng có thời hạn, có thời hạn 2 tháng, 3 tháng, 6 tháng....Như vậy rất khó cho việc theo dõi thời gian lao động của công nhân làm ảnh hưởng nhiều đến hạch toán lương và các khoản phải trả cho người lao động. Hơn nữa Công ty đã sử dụng tài khoản 334 “Phải trả công nhân viên” để hạch toán tiền lương cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty. TK 334 là khoản phải trả công nhân viên, tức là phải trả cho những cán bộ công nhân viên trong Công ty làm việc lâu dài ít nhất là từ 6 tháng trở lên; còn lao động dưới 6 tháng coi như lao động thời vụ hoặc lao động thuê ngoài và số tiền lương

phải trả cho những lao động thuộc diện này là số tiền phải trả cho một dịch vụ mua bán sức lao động. Bởi vì có thể xem những người lao động thuộc diện này là những người đem bán sức lao động của mình cho việc thi công của Công ty. Do đó, nếu hạch toán cả tiền lương của công nhân dài hạn và công nhân thời vụ vào TK 334 là gây khó khăn cho lãnh đạo Công ty nắm bắt và phân tích tiền lương thực tế của 2 đối tượng này. Vì vậy, khi hạch toán tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty nên tách 2 đối tượng này và theo dõi tiền lương trên 2 tài khoản sau:

- TK 3341: “Công nhân dài hạn”. Áp dụng đối với người lao động có hợp đồng lao động với Công ty từ 6 tháng trở lên.

- TK 3348: “Công nhân thời vụ”. Áp dụng đối với người lao động có hợp đồng lao động với Công ty dưới 6 tháng nhưng trên một tháng.

Ngoài ra trong Công ty còn có một số công nhân có hợp đồng thời hạn một tháng với Công ty. Công ty cũng sử dụng TK 334 để hạch toán tiền lương với công nhân thuộc diện này. Lực lượng lao động này coi như lao động thuê ngoài, tiền công trả cho họ là để mua sức lao động. Và vì vậy, Công ty không sử dụng qua TK 334 mà nên dùng TK 111 để hạch toán theo định khoản:

Nợ TK 622 “chi phí nhân công trực tiếp”.

Có TK 111 “Tiền mặt”.

Bên cạnh đó để nâng cao năng suất lao động thúc đẩy quá trình thi công diễn ra đúng tiến độ Công ty cần có những chế độ khen thưởng hợp lý tạo động lực cho công nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

c. Hoàn thiện hạch toán chi phí sử dụng máy thi công

Hiện nay công ty tiến hành phân bổ chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ cho máy thi công cho từng công trình, hạng mục công trình theo chi phí nhân công trực tiếp là chưa hợp lý, do đó ảnh hưởng đến tính chính xác của hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty. Do đó, Công ty nên phân bổ chi phí công cụ dụng cụ phục vụ cho máy thi công theo số ca máy hoặc giờ máy do chi phí công cụ dụng cụ dùng cho máy thi công phụ thuộc nhiều vào thời gian chạy máy.

d. Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất chung

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp đòi hỏi doanh nghiệp phải đảm bảo chất lượng công trình tốt, tạo được uy tín đối với khách hàng. Bảo hành sản phẩm xây lắp chính là một trong những yếu tố quan trọng để công ty thực hiện tốt điều đó, đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư và nâng cao tinh thần trách nhiệm của đơn vị nhận thầu. Bởi vậy công ty nên đưa thêm chi phí bảo hành sản phẩm xây lắp nhằm tạo sự yên tâm cho khách hàng và kế toán hạch toán chi phí này vào chi phí sản xuất chung.

Công ty sẽ trích lập dự phòng chi phí bảo hành vào TK 352 (chi tiết TK 3522- Dự phòng sản phẩm xây lắp). Khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được hạch toán vào chi phí sản xuất chung.

Ở doanh nghiệp xây lắp, khi xác định số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp (thường là 5% giá trị hợp đồng), khi phát sinh chi phí liên quan đến bảo hành kế toán ghi:

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Có TK 352 - Dự phòng phải trả.

- Khi phát sinh chi phí sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp, ghi:

Nợ các TK 621, 622, 623, 627

Nợ TK 133- Thuế GTGT khấu trừ

Có các TK 111, 112, 152, 214, 334,...

- Cuối kỳ, kết chuyển chi phí sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp, ghi:

Nợ TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có các TK 621, 622, 623, 627.

- Khi sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp hoàn thành, ghi:

Nợ TK 352 - Dự phòng phải trả

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

3.1.2. Một số biện pháp nhằm giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm

3.1.2.1. Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí NVL trực tiếp là khoản mục chi phí lớn, chiếm tỷ trọng nhiều nhất trong tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Chính vì vậy để giảm chi phí sản xuất với mục tiêu hạ giá thành sản phẩm thì biện pháp hữu hiệu nhất là tiết kiệm chi phí NVLTT mà vẫn đảm bảo được chất lượng công trình. Do công ty sử dụng hình thức giao khoán cho các xí nghiệp, đội công trình nên việc kiểm tra thường xuyên là rất khó nhất là đối với các công trình ở xa vì vậy công ty cần chú trọng khuyến khích tinh thần trách nhiệm của toàn bộ cán bộ công nhân viên toàn công ty, công ty nên có những hình thức khen thưởng xứng đáng đối với những đơn vị bảo quản vật tư tốt, thiệt hại xảy ra ít như vậy vừa tạo điều kiện củng cố đời sống của nhân viên lại tránh xảy ra thất thoát.

Bên cạnh đó công ty cần phải tiến hành thăm dò thị trường để tìm ra nguồn hàng rẻ mà vẫn đảm bảo chất lượng mặt khác cũng cần tạo dựng những mối quan hệ tốt đối với các nhà cung cấp để có được mối làm ăn lâu dài giảm bớt được các chi phí không cần thiết.

3.1.2.2. Sử dụng hiệu quả chi phí nhân công trực tiếp

Để sử dụng hiệu quả nguồn nhân công nhằm giảm chi phí nhân công trực tiếp thì việc đầu tiên công ty cần làm đó là chất lượng của công nhân, điều này có nghĩa là công tác tuyển chọn phải được chú trọng, với công nhân tay nghề cao sẽ làm việc có hiệu quả, không tốn kém chi phí đào tạo cũng như giảm thiểu khả năng gây thiệt hại trong sản xuất. Bên cạnh đó công ty phải biết sử dụng nhân công một cách linh hoạt. Đối với một số công trình ở xa công ty nên tận dụng tốt nguồn lao động địa phương vì chi phí thuê không tốn kém, giảm bớt được chi phí sinh hoạt hàng ngày cho công nhân. Tuy nhiên việc thuê nhân công cũng phải có lựa chọn và ký kết hợp đồng ghi rõ những điều khoản cần thiết. Ngoài ra công ty cũng cần có những biện pháp hỗ trợ khuyến khích người lao động làm việc có hiệu quả như khen thưởng, kỷ luật thỏa đáng.

3.1.2.3. Sử dụng hợp lý chi phí máy thi công

Công ty cần tính toán hợp lý để cho máy móc được hoạt động một cách hiệu quả nhất. Công ty có thể tổ chức điều động luân phiên máy móc thiết bị sao cho tránh để xảy ra hiện tượng máy móc thừa hoặc chết máy và cũng không nên để máy hoạt

động quá công suất cho phép, hàng kỳ công ty nên tiến hành bảo dưỡng thường xuyên để máy móc khỏi bị xuống cấp. Bên cạnh đó việc quản lý chặt chẽ số ca máy, giờ máy và việc sử dụng nhiên liệu cũng rất cần được chú trọng nhằm giảm chi phí sử dụng máy thi công. Đối với máy móc thuê ngoài thì công ty phải có chứng từ theo dõi cụ thể nhằm giảm bớt những khoản chi phí không cần thiết. Khi tính toán phân bổ khấu hao TSCĐ, máy móc thiết bị dùng cho thi công công trình kế toán cần phân bổ chi phí khấu hao máy thi công căn cứ vào chi phí máy thi công, cần theo dõi chi tiết số ca máy phục vụ công trình đó. Việc theo dõi ca máy thực hiện theo mẫu sau:

BẢNG 3.2:***Phiếu theo dõi ca máy thi công***

Tháng ... năm

Tên xe, máy:.....

Nước sản xuất....

Biển đăng ký:

Công suất:

Ngày tháng	Đối tượng sử dụng	Số giờ xe, máy thực tế	Cộng trong ngày	Cộng lũy kế	Chữ ký bộ phận sử dụng	Chữ ký thủ trưởng
					
	Cộng					

Phân bổ chi phí khấu hao máy thi công được áp dụng theo công thức:

$$\text{Mức chi phí khấu hao MTC phân bổ} = \frac{\text{Chi phí khấu hao MTC}}{\text{Tổng số giờ máy chạy}} \times \text{Số giờ ca máy chạy}$$

- Hàng tháng nên trích trước chi phí sửa chữa lớn máy thi công:

Nợ TK 623

Có TK 335

3.1.2.4. Sử dụng tiết kiệm chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là một khoản mục chi phí khá đa dạng nhiều chủng loại nên chứng từ phát sinh nhiều nên kế toán công ty cần tiến hành phân tích chi phí sản

xuất chung theo tổng số chi phí và theo từng yếu tố để đánh giá sự thay đổi tỷ trọng của từng khoản chi giữa thực tế so với dự toán.

Để quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh thì phải kiểm tra, đối chiếu, so sánh kết hợp với các khoản mục liên quan: chi phí bằng tiền với khoản mục tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, dịch vụ mua ngoài với khoản mục phải trả người bán, tạm ứng... Đồng thời để kiểm soát tốt chi phí sản xuất, công ty cần xây dựng định mức chi phí riêng, cơ chế khoán chi nội bộ hợp lý để tạo động lực tăng cường công tác kiểm soát, đề ra các biện pháp tiết kiệm chi phí.

3.1.3. Hoàn thiện việc phân loại chi phí sản xuất phục vụ yêu cầu của kế toán quản trị

Ra quyết định là một chức năng quan trọng và xuyên suốt các khâu quản trị doanh nghiệp, nó được vận dụng liên tục trong suốt quá trình hoạt động của các doanh nghiệp. Phần lớn thông tin của kế toán quản trị mà chủ yếu là kế toán chi phí cung cấp nhằm phục vụ nhà quản trị ra các quyết định.

Các quyết định được chia làm hai loại: Quyết định ngắn hạn và quyết định dài hạn. Trong phạm vi nghiên cứu, tôi chỉ đề cập đến việc sử dụng thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong việc ra các quyết định ngắn hạn, mà cụ thể là việc định giá. Một trong những nguyên nhân quan trọng, có ảnh hưởng quyết định đến lượng sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trên thị trường của doanh nghiệp là vấn đề định giá. Định giá như thế nào, định giá trên cơ sở nào, bán với giá cao hay giá thấp... luôn luôn là nội dung quan tâm của các nhà quản trị doanh nghiệp.

3.1.3.1. Hoàn thiện tổ chức hệ thống dự toán chi phí

Dự toán là một kế hoạch chi tiết được lập cho một kỳ hoạt động trong tương lai, biểu hiện dưới hình thức định lượng (số lượng và giá trị), chỉ ra việc huy động các nguồn lực và việc sử dụng chúng trong thời kỳ đó. Dự toán là một công cụ của nhà quản lý, được sử dụng trong việc lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá hoạt động. Lập dự toán là khâu rất quan trọng trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp xây lắp, đòi hỏi các quy trình tương đối phức tạp, do đó nếu khâu dự toán được lập chính xác thì sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí. Tác dụng to lớn của việc lập dự toán thể hiện trong các vấn đề như:

- Giúp kiểm tra và giám sát được các khoản chi phí cho từng bộ phận sản xuất, cụ thể sau khi thực tế sản xuất có thể đối chiếu so sánh với dự toán để làm căn cứ đánh giá hiệu quả quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Giúp dự báo được những vấn đề khó khăn trong quá trình sản xuất, quản lý chặt chẽ, tránh thất thoát chi phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- Căn cứ vào dự toán, nhà quản trị sẽ có kế hoạch huy động nguồn lực một cách phù hợp và tránh lãng phí.

3.1.4. Hoàn thiện kế toán nhằm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nâng tính cạnh tranh của công ty

Trên cơ sở nghiên cứu về mặt lý luận và phân tích tình hình thực tế trong công tác quản lý – lập và thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty. Để hạ giá thành sản phẩm, các công trình, hạng mục công trình đòi hỏi phải áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp, có sự phối hợp nhiều cấp, nhiều mặt trong toàn bộ hoạt động của công ty. Song do khả năng có hạn và giới hạn của đề tài, em xin nêu một số biện pháp cơ bản như sau:

3.1.4.1. Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu

Một công trình xây dựng cần rất nhiều nguyên nhiên vật liệu do vậy phòng kế hoạch cần làm tốt hơn chức năng tư vấn trong công tác cung ứng nguyên vật liệu, xác định giá cả một số loại chính, quy trần giá để không đội nào mua với giá cao hơn (trừ những công trình do bên A cung cấp). Những công trình thi công trên địa bàn tỉnh khác thì tận dụng nguyên vật liệu của địa phương để giảm chi phí.

Để giảm giá thành vật liệu công ty nên đặt mua khối lượng lớn nguyên vật liệu thường dùng ở mức bình quân năm. Việc này sẽ giúp công ty tiết kiệm chi phí thông qua giảm chiết khấu, không phải ứng tiền trước, đồng thời chủ động về nguyên vật liệu.

Hàng năm Công ty sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu, chẳng hạn: Với vật liệu Xi măng thì số lượng bình quân cho công tác xây lắp trực tiếp không kể do bên A cung cấp khoảng trên 100 tấn. Do các công trình thi công nằm ở các địa bàn khác nhau nên việc cung ứng tương đối phức tạp. Song thị trường vật liệu phong phú, nhiều loại nếu như tận dụng tốt thì đây là một thuận lợi.

Thông qua việc ký hợp đồng với số lượng lớn ở mức sử dụng bình quân hàng năm, giao hàng nhiều đợt, giúp Công ty chủ động trong việc cung ứng nguồn hàng; mặt khác giúp công ty tiết kiệm được chi phí dự trữ, bảo quản. Công ty có thể xem xét tương tự với các nguyên vật liệu khác như: Sắt, thép, sỏi, đá.

3.1.4.2. Phát triển nguồn nhân lực giảm chi phí nhân công

Khi tiến hành một công trình cần rất nhiều nhân công vì vậy công ty nên xem xét tiến hành xây dựng biểu đồ nhân lực hợp lý trước khi khởi công công trình, từ đó xác định số lao động cần thiết, biết được tình hình thừa thiếu để chủ động điều tiết.

Bố trí đúng người, đúng việc, tránh sự chồng chéo. Với những công việc đòi hỏi yêu cầu về mặt kỹ thuật, mỹ thuật thì nhất thiết phải được những người có tay nghề cao đảm nhiệm. Ngược lại, những công việc giản đơn khác thì lao động phổ thông cũng có thể làm được.

Hiện nay, thị trường lao động có rất nhiều lao động nhàn dỗi đang cần việc do đó công ty có thể thuê họ làm theo thời vụ. Cho nên công ty cần phải xây dựng các đội khung, những đội này bao gồm các công nhân có tay nghề cao, nằm trong biên chế, còn số lao động giản đơn thì tiến hành thuê ngoài theo nhu cầu riêng của từng công trình thi công. Số lao động giản đơn này chỉ chịu sự trực tiếp chỉ đạo của tổ trưởng tổ đội chứ không ràng buộc về mặt hành chính với công ty. Việc làm này sẽ góp phần làm giảm quỹ lương, qua đó trực tiếp hạ giá thành công trình.

Tuy nhiên hạn chế căn bản khi sử dụng lao động thuê ngoài là công nhân có trình độ thấp, ý thức kỷ luật kém. Để khắc phục hạn chế này cần thực hiện một số biện pháp:

- Có chính sách đào tạo bồi dưỡng tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật nòng cốt là những lao động làm việc lâu năm ở công ty, có kế hoạch điều động xuống phụ trách đội.

- Ở từng đội sản xuất trực tiếp cần phải phân tổ sản xuất thành những nhóm nhỏ, ở mỗi nhóm cử một người phụ trách. Sử dụng hình thức khen thưởng, kỷ luật bằng tiền đối với nhóm trưởng để gắn trách nhiệm của họ trong việc điều hành lao động trong nhóm, tránh lãng phí mất mát vật liệu và tự ý bỏ việc của công nhân.

3.1.4.3. Tăng cường công tác quản lý vật liệu để giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành

Giá nguyên vật liệu tính vào giá thành công trình bao gồm: Giá mua, chi phí vận chuyển, đóng gói, bảo quản...

Trong giá thành các công trình, chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng từ 80 – 85%, do đó việc giảm chi phí nguyên vật liệu có ý nghĩa rất lớn tới công tác hạ giá thành sản phẩm xây lắp. Tuy nhiên, để quản lý tốt chi phí nguyên vật liệu thì Công ty cần nỗ lực phấn đấu trên tất cả các mặt, các khâu sau:

+ Trong thiết kế kỹ thuật, phải có phương án sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, lựa chọn nguyên vật liệu có giá thành hạ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Nên sử dụng nguyên vật liệu trong nước thay thế nhập khẩu, nguyên vật liệu địa phương để giảm chi phí vận chuyển vừa có lợi cho công ty vừa kích thích sản xuất trong nước.

+ Trong quá trình lập dự toán, phải xác định được nguồn cung cấp nguyên vật liệu, xây dựng định mức nguyên vật liệu trên cơ sở đơn giá của Nhà nước và phù hợp với thực tiễn, sát với giá cả thị trường nhằm hạn chế biến động tiêu cực.

Đồng thời trong quá trình thi công, phải xác định phương pháp cung ứng nguyên vật liệu thích hợp.

+ Coi trọng công tác bảo quản nguyên vật liệu, cần có sự giám sát chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, tránh cấp thừa không đúng chủng loại. Thực hiện chế độ khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích trong công tác tiết kiệm nguyên vật liệu đồng thời xử lý nghiêm túc những vi phạm.

+ Phát huy chế độ khoán công việc, hạng mục cho các đội sản xuất đồng thời đánh giá tình hình hoàn thành kế hoạch giá thành, rút kinh nghiệm.

3.1.4.4. Tăng cường công tác quản lý và khai thác TSCĐ

Bất kể một công ty xây dựng nào cũng đòi hỏi công ty phải mua sắm những tài sản cố định có giá trị lớn do đó để tiết kiệm được chi phí và giảm giá thành sản phẩm thì đòi hỏi công ty phải quản lý và khai thác tốt các tài sản cố định này. Mỗi công trình đòi hỏi những máy móc thiết bị khác nhau nhưng công ty không thể đủ vốn để mua sắm hết các máy móc thiết bị vì vậy công ty có thể đi thuê máy móc ở ngoài, còn những máy móc thiết bị mà công ty đã đầu tư mua thì phải sử dụng cho hết khấu hao và công suất của nó. Khi công ty chưa có công trình để sử dụng máy móc này mà công ty khác cần ta có thể cho thuê tránh tình trạng máy móc để không. Để máy móc hoạt động hết công suất thì đòi hỏi phải có công nhân chuyên vận hành máy móc thiết bị và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Phải có sổ theo dõi TSCĐ cho từng bộ phận tránh tình trạng tính nhiều lần cho một TSCĐ và tài sản đã khấu hao hết rồi mà vẫn được tính khấu hao.

3.1.4.5. Khắc phục khó khăn về vốn dài hạn tạo điều kiện đầu tư

Đối với một công ty hoạt động trong ngành xây dựng đòi hỏi một lượng vốn rất lớn và lâu dài để khắc phục được khó khăn về lượng vốn dài hạn này đòi hỏi công ty phải lựa chọn phương thức huy động vốn có hiệu quả như:

* Từ nguồn vốn vay:

- Đa dạng hoá các kênh vay vốn nhằm tránh lệ thuộc vào một số ít ngân hàng khi có thời cơ kinh doanh đến.

- Đăng ký vay vốn từ các quỹ hỗ trợ phát triển

- Đối với những kế hoạch đầu tư vào dây truyền công nghệ hoặc các thiết bị máy móc công ty nên chú trọng đến hình thức thuê tài chính tỏ ra rất có hiệu quả đối với những doanh nghiệp đang thiếu vốn.

* Từ nguồn vốn tự có:

Công ty có thể tăng tỷ trọng vốn tự có bằng cách:

- Tăng cường kinh doanh có hiệu quả nhằm tăng lợi nhuận ròng

- Tiến hành cổ phần hoá dần một số thành viên nhằm kêu gọi vốn từ bên ngoài đầu tư vào công ty.

- Tăng cường quản lý tài chính hiệu quả nhằm mục tiêu đầu tư các khoản tiền nhàn rỗi từ các quỹ, các khoản vốn lưu động chưa cần đến vào chứng khoán ngắn hạn, dài hạn có lợi.

* Từ nguồn liên doanh: Với những dự án đầu tư lớn thì công ty có thể tiến hành kêu gọi góp vốn liên doanh nhằm giảm gánh nặng về vốn.

3.1.4.6. Kiểm soát chặt chẽ chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý Doanh nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Trong đó chi phí bằng tiền chiếm tỷ trọng lớn nhất gồm các khoản chi trả lãi vay đầu tư, lãi vay vốn lưu động và các chi phí khác. Ngoài việc tính toán, dự trù các khoản vay vốn sao cho phù hợp với lãi suất, tránh được mức lãi suất cao và phù hợp với khả năng thanh toán.

Công ty cần kiểm soát các chi phí hoạt động của bộ phận quản lý bằng cách khoán chi theo công việc cần thiết cho các bộ phận căn cứ vào nhu cầu chi tiêu cần thiết đã lập kế hoạch và căn cứ vào mức chi kỳ trước để điều chỉnh cho phù hợp, để đảm bảo bộ máy hoạt động tích cực và tiết kiệm chi phí cho Công ty.

Cần quản lý chặt chẽ các khoản chi bằng tiền phục vụ đối ngoại, giao dịch. Để giảm lãi vay ngân hàng tìm mọi biện pháp để làm tăng nhanh tốc độ vòng quay của vốn, tận dụng các khoản tiền nhàn rỗi như: Bảo hiểm xã hội, quỹ lương của cán bộ công nhân viên, tiền khấu hao chưa sử dụng đến.

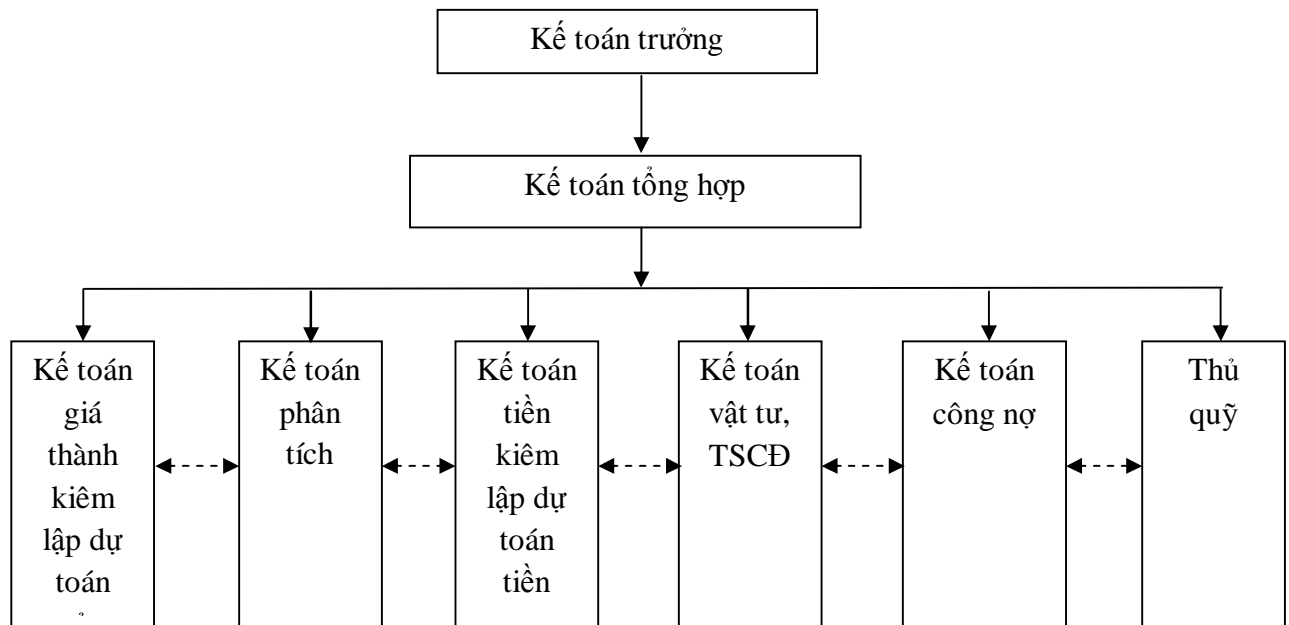
3.1.5. Hoàn thiện việc xây dựng mô hình kế toán quản trị của công ty

Công ty không nên tổ chức riêng một bộ phận kế toán quản trị vì qui mô kinh doanh của Công ty ở mức vừa nên sử dụng mô hình kết hợp với kế toán tài chính theo từng phần hành để có thể hỗ trợ nhau về nguồn nhân lực, thông tin đầu vào và tiết kiệm chi phí. Nghĩa là kế toán viên theo dõi phần hành kế toán nào sẽ chịu trách nhiệm thực hiện cả về kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Ngoài ra công ty cần bố trí nhân viên thu thập, phân tích thông tin phục vụ cho việc ra quyết định trong quản trị doanh nghiệp. Theo hình thức này thì bộ phận chuyên trách dự toán ngân sách không tách ra thành một bộ phận độc lập mà sẽ là các nhân viên trong từng phần hành kế toán cụ thể.

Ví dụ bộ phận kế toán chi phí sản xuất và giá thành ở góc độ kế toán tài chính chỉ chịu trách nhiệm xác định giá trị thành phẩm nhập kho, xuất bán để lập báo cáo tài chính; còn trên phương diện kế toán quản trị sẽ quan tâm đến thiết lập báo cáo giá thành, và những phân tích giá thành khi cần thiết.

Sơ đồ 3.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán trong điều kiện có áp dụng kế toán quản trị.



3.1.5. Xây dựng báo cáo chi phí phục vụ yêu cầu kế toán quản trị công ty

Thông qua việc phân tích vai trò của kế toán quản trị, báo cáo kế toán quản trị bao gồm các loại báo cáo như sau:

Báo cáo về dự toán doanh thu (theo khu vực, theo sản phẩm...), dự toán giá vốn hàng bán, dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán nhân công, dự toán tồn

Bảng này xác nhận khối lượng xây lắp hoàn thành làm căn cứ để phòng kế hoạch tính giá trị dự toán thực hiện trong kỳ đồng thời xác định khối lượng chênh lệch giữa thực tế với dự toán từ đó có kế hoạch điều chỉnh trong kỳ sau.

- *Đối với các đội xây dựng:* hàng tháng các đội tổng hợp số liệu báo cáo xây lắp thực hiện trong kỳ đối chiếu chênh lệch thực tế với dự toán gửi về công ty;

BẢNG 3.4: Báo cáo chi phí xây lắp thực hiện trong kỳ

Công trình, hạng mục:

Đội thi công:

Tháng...năm:

TT	Tên công việc	Tháng báo cáo			Luỹ kế từ khi khởi công		
		Dự toán	Thực tế	Chênh lệch	Dự toán	Thực tế	Chênh lệch
1	Chi phí NVLTT						
	- xăng						
	- dầu diesel						
	...						
2	Chi phí NCTT						
	- mức lương tối thiểu						
	- Phụ cấp khu vực						
						
3	Chi phí SDMTC						
	- nhiên liệu						
	- ca máy						
4	Chi phí SXC						
	...						
	Cộng						

3.2. Điều kiện cơ bản thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong công ty TNHH Xây dựng Bình Minh

3.2.1. Về phía Nhà nước

Hiện nay cơ chế tài chính doanh nghiệp còn một số thủ tục chưa đồng nhất với chuẩn mực kế toán do đó gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hạch toán kế toán. Nhà nước cần nhanh chóng hoàn thiện, bổ sung các văn bản về luật doanh nghiệp, luật kế toán, hệ thống chuẩn mực kế toán theo hướng dẫn phù hợp với thông lệ quốc tế và đặc điểm quản lý của Việt Nam để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển.

Cần phải có chương trình đào tạo kế toán quản trị chuẩn hóa trong các cơ sở đào tạo. Khác với kế toán tài chính, vì dù muốn hay không thì giáo trình về kế toán tài chính vẫn phải bám sát các quyết định của Bộ Tài chính nên về cơ bản, các cơ sở đào tạo có khác nhau nhưng kiến thức truyền đạt là như nhau. Hiện nay, do đặc thù tính động của kế toán quản trị, cùng với việc kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều nên hầu như mỗi trường đào tạo một kiểu, việc đào tạo như nào hoàn toàn phụ thuộc vào quan điểm của cơ sở đào tạo. Vì vậy, rất khó để tìm ra mô hình chung về kế toán quản trị cho các lĩnh vực, các ngành nghề.

3.2.2. Về phía Bộ xây dựng

Cần xây dựng các định mức chi phí tiêu hao và hạch toán chi phí cụ thể hơn nữa cho một số công trình để chi phí phát sinh trong khung hợp lý đặc biệt đối với các công trình ở xa, địa bàn khó khăn cho việc giám sát hạch toán chi phí phát sinh. Hiện nay tình trạng vốn ngân sách bị hao hụt dẫn đến nhiều công trình trọng điểm bị đình trệ. Cần thành lập các ban quản lý chất lượng doanh nghiệp nhằm kiểm tra, giám sát và hướng dẫn các phương pháp kế toán cho các doanh nghiệp thực hiện chấp hành nghiêm chỉnh đúng chuẩn mực của Nhà nước, tranh tình trạng lãng phí, tham ô gây nên chất lượng kém cho các công trình.

3.2.3. Về phía công ty

- *Bộ máy kế toán*: Ban giám đốc, hội đồng quản trị là những người đứng đầu doanh nghiệp cần có nhận thức đúng đắn về công tác kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng, đặc biệt là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Chỉ khi được quan tâm đúng mức thì mới tìm ra được biện pháp để hạ giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng công trình giúp tăng doanh thu và phát triển công ty ngày một bền vững. Việc sử dụng mô hình kết hợp kế toán tài chính với kế toán quản trị là phù hợp với doanh nghiệp. Tuy nhiên, sự phối hợp thông tin và chia sẻ thông tin giữa các bộ phận trong phòng kế toán, giữa các phòng ban trong công ty là rất cần thiết nhưng cũng phải đảm bảo tính bảo mật.

- *Việc tổ chức sản xuất*: Phải tổ chức lại quy trình sản xuất kinh doanh, từng bước cải tiến và áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến như áp dụng các tiêu chuẩn quản lý ISO, các tiêu chuẩn về môi trường ISA... khi các quy trình được chuẩn hóa thì việc cung cấp thông tin sẽ dễ dàng và chính xác hơn.

- *Đào tạo và tuyển dụng cán bộ*: Cần phải đào tạo lại các cán bộ của phòng kế toán những kiến thức về kế toán quản trị kết hợp với kế toán tài chính thông qua việc mời các chuyên gia, các giảng viên có kinh nghiệm kết hợp với việc tham khảo các mô hình kế toán đã được triển khai thành công tại các đơn vị ngoài ngành. Từ đó đặt ra yêu cầu cao hơn về kế toán với những nhân viên mới được tuyển dụng.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin*: Hiện nay, phòng kế toán của công ty đều đã được trang bị phần mềm kế toán, những phần mềm này chủ yếu là dạng phần mềm được trang bị để phục vụ kế toán tài chính là chủ yếu, do vậy khi có yêu cầu về báo cáo kế toán quản trị thì kế toán phải trích thông tin kế toán tài chính ra Excel sau đó tổng hợp thông tin từ các bộ phận khác để lập các báo cáo quản trị, đây là một việc làm hết sức lãng phí thời gian và không tận dụng được sức mạnh của phần mềm. Chính vì vậy cần có sự kết hợp phần mềm kế toán tài chính và kế toán quản trị để đảm bảo công tác lập báo cáo được kịp thời và chính xác.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Với kiến thức được tổng hợp từ phần lý luận của chương 1, kết hợp với việc phân tích và nhận định những mặt được và chưa được trong việc vận dụng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên cả hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị trong chương 2, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong công ty TNHH Xây dựng Bình Minh. Với mục tiêu như vậy, trong chương 3 tác giả đã nêu và giải quyết những vấn đề sau:

Thứ nhất: Nêu được sự cần thiết và đưa ra các yêu cầu, các nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên cả hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị trong công ty TNHH Xây dựng Bình Minh.

Thứ hai: Đưa ra các phương án nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm bao gồm nhóm các giải pháp từ khâu tập hợp chi phí sản xuất đến tính giá thành sản phẩm trong kế toán tài chính và thu nhận thông tin, phân tích và cung cấp thông tin kế toán quản trị trong công ty TNHH Xây dựng Bình Minh.

Thứ ba: Để thực hiện được các giải pháp trên, tác giả cũng đã đưa ra những yêu cầu mang tính điều kiện để tổ chức tốt kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên cả hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị trong công ty TNHH Xây dựng Bình Minh.

KẾT LUẬN

Để phát huy vai trò cung cấp thông tin kinh tế tài chính của kế toán một cách có hiệu quả phục vụ cho công tác quản lý của công ty thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cần không ngừng cải tiến và hoàn thiện. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển cần phải có những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng yếu tố đầu vào, đồng thời phải tạo ra một yếu tố đầu ra với chất lượng, thời gian cũng như giá cả phải phù hợp đối với tổng công trình cụ thể nhằm đảm bảo cạnh tranh cũng như đạt được lợi nhuận một cách tối đa nhất. Kế toán Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp là một nội dung quan trọng trong việc xác định kết quả kinh doanh của công ty. Các thông tin về chi phí là những nội dung quan trọng giúp cho kế toán điều chỉnh chi phí để hạ giá thành sản phẩm, nâng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Sau một thời gian nghiên cứu và thực tế khảo sát, em đã lựa chọn đề tài “***Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH xây dựng Bình Minh***” cho luận văn của mình.

Luận văn đã thực hiện được những nội dung sau:

- Phân tích làm rõ cơ sở lý luận về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trên góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị ở các doanh nghiệp xây lắp.
- Tìm hiểu, phân tích và đánh giá được thực trạng hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành từ đó đánh giá được ưu nhược điểm và nguyên nhân của những tồn tại.
- Luận văn đã nêu rõ được sự cần thiết, yêu cầu cơ bản và giải pháp để hoàn thiện hạch toán chi phí và tính giá thành cho phù hợp với yêu cầu quản lý và phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.
- Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH xây dựng Bình Minh .
- Những đề xuất, kiến nghị trong luận văn được xuất phát từ yêu cầu thực tế với cơ sở lý luận khoa học nên phù hợp và có tính khả thi cao.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Kế toán tài chính (2010) - Chương XII - Trường ĐH Lao động - Xã hội;
2. Giáo trình Kế toán doanh nghiệp xây lắp (2010) - Học Viện Tài chính;
3. Kế toán tổng hợp chi phí và giá thành sản phẩm - Vũ Huy Cẩm - NXB Thống kê;
4. Hướng dẫn thực hành kế toán tài chính - TS. Võ Văn Nhị - Trần Anh Hoa - Ths. Nguyễn Ngọc Dung;
5. Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh – NXB Thống kê;
6. Kế toán quản trị - Trường ĐH Lao động - Xã hội.
7. Giáo trình kế toán tài chính (chủ biên GS-TS Nguyễn Thế Chi - TS Trương Thị Thuê - Nhà xuất bản Tài chính năm 2006).
8. Giáo trình kế toán doanh nghiệp sản xuất (chủ biên PGS-TS Vương Xuân Huân - Nhà xuất bản Tài chính, 1995).
9. Giáo trình phân tích hoạt động kinh tế (chủ biên PTS Nguyễn Thế Khôi - Nhà xuất bản Tài chính 2002).
10. Hồ sơ kế toán doanh nghiệp (hướng dẫn về các chứng từ kế toán, hướng dẫn về sổ kế toán. Về chế độ kế toán - Nhà xuất bản Tài chính năm 2002).
11. Tập chế độ kế toán.
12. Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
13. Thông tư của Bộ Tài Chính.
14. Các tài liệu thực tế ở Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh.

PHỤ LỤC

(Về chứng từ, sổ kế toán của Công ty TNHH xây dựng Bình Minh phục vụ cho
nghiên cứu của luận văn THS)